



NGUYỄN THỊ TOÀN (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – NGUYỄN THỊ THỌ

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

8

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CBQLGD: Cán bộ quản lý giáo dục
CC: Chăm chỉ
CTGDPT: Chương trình Giáo dục phổ thông
ĐCHV: Điều chỉnh hành vi
GD CD: Giáo dục công dân
GDPT: Giáo dục phổ thông
GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo
GQVĐ: Giải quyết vấn đề
GT – HT: Giao tiếp – hợp tác
GV: Giáo viên
HS: Học sinh
KHBD: Kế hoạch bài dạy
KHDH: Kế hoạch dạy học
NA: Nhân ái
NL: Năng lực
NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
PC: Phẩm chất
PTBT: Phát triển bản thân
QLBT: Quản lý bản thân
SGK: Sách giáo khoa
SGV: Sách giáo viên
TBV: Tự bảo vệ
TC – TH: Tự chủ – tự học
TN: Trách nhiệm
TT: Trung thực
THCS: Trung học cơ sở
YN: Yêu nước



MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	4
1. Đặc điểm của môn Giáo dục công dân	4
2. Quan điểm xây dựng chương trình môn Giáo dục công dân	4
3. Mục tiêu chương trình môn Giáo dục công dân.....	5
4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực	5
5. Nội dung và thời lượng	7
6. Phương pháp dạy học Giáo dục công dân phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.....	9
7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân.....	16
8. Phương tiện, thiết bị dạy học môn Giáo dục công dân	21
 PHẦN THỨ HAI: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA VÀ CÁC NGUỒN HỌC LIỆU BỔ TRỢ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8	23
1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa Giáo dục công dân 8	23
2. Hướng dẫn sử dụng các nguồn học liệu bổ trợ môn Giáo dục công dân 8.....	33
 PHẦN THỨ BA: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DẠY HỌC, KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8.....	38
1. Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân 8	38
2. Thiết kế, tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy Giáo dục công dân 8.....	43
3. Bài soạn minh hoạ.....	52

TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1 ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong CTGDPT, GDCCD là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn GDCCD góp phần bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Nội dung chủ yếu của môn học là giáo dục đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế, bảo đảm tất cả HS được giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ GDCCD được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, nhất là các môn khoa học xã hội và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, trong đó GDCCD là môn học cốt lõi.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn GDCCD là môn học bắt buộc. Thời lượng dành cho môn học ở mỗi lớp là 35 tiết/năm học.

2 QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

CTGDPT môn GDCCD tuân thủ các định hướng nêu trong CTGDPT tổng thể, đồng thời nhấn mạnh các quan điểm sau:

2.1. Bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn

CTGDPT môn GDCCD được xây dựng trên cơ sở: đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các thành tựu nghiên cứu về tâm lí học, giáo dục học, đạo đức học, luật học, lí luận chính trị và kinh tế học; kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển CTGDPT môn GDCCD; các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và giá trị chung của nhân loại; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, sự đa dạng của đối tượng HS xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

2.2. Bảo đảm tính hệ thống

Môn GDCCD được xây dựng theo hướng đồng tâm và phát triển, dựa trên các mạch nội dung giáo dục đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật và xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân và người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, công việc và môi trường tự nhiên; mở rộng và nâng cao dần từ cấp Tiểu học đến cấp THCS.

2.3. Chú trọng tích hợp

Chương trình chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về kĩ năng sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế đồng thời ở nhiều chủ đề tích hợp giáo dục xuyên môn như: môi trường, bình đẳng giới, di sản văn hoá, phòng chống tệ nạn xã hội, tài chính,...

2.4. Xây dựng theo hướng mở

Chương trình chỉ quy định những yêu cầu cần đạt; những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi cho mỗi cấp học, lớp học nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt; những định hướng chung về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục. Căn cứ vào các yêu cầu cần đạt và định hướng chung của Chương trình, các tác giả SGK, cơ sở giáo dục và GV môn GDCD chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện và phát triển Chương trình.

3 MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Ở cấp THCS, môn GDCD có mục tiêu:

- Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.
- Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

4 YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

4.1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất, năng lực chung

Môn GDCD góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định trong CTGDPT tổng thể:

- Năm phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Ba năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

4.2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

- Nhận thức chuẩn mực hành vi:

+ Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

+ Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

+ Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

+ Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

– Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:

+ Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

+ Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

+ Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

– Điều chỉnh hành vi:

+ Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

+ Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm hoặc làm những việc xấu (bạo lực học đường, tham gia các tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.

+ Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

+ Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

4.2.2. Năng lực phát triển bản thân

– Tự nhận thức bản thân:

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

– Lập kế hoạch phát triển bản thân:

+ Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

+ Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THCS với sự tư vấn của thầy, cô giáo và người thân.

- Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:
- + Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- + Thực hiện được việc quản lý và chi tiêu tiền hợp lý theo kế hoạch đã đề ra.

4.2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

- Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:
- + Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật.
- + Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- + Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:
- + Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.
- + Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với những biến đổi xã hội.
- + Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- + Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

5 NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG

Chương trình môn GDCD được xây dựng theo 4 mạch nội dung giáo dục: 1/Giáo dục đạo đức; 2/Giáo dục kỹ năng sống; 3/Giáo dục kinh tế; 4/Giáo dục pháp luật. Ở cấp THCS, các mạch nội dung giáo dục này được phân phối với 35% thời gian dành cho giáo dục đạo đức, 25% giáo dục pháp luật, 20% giáo dục kỹ năng sống, 10% giáo dục kinh tế và 10% dành cho kiểm tra, đánh giá.

Nội dung khái quát môn GDCC cấp THCS:

Nội dung		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%)	Yêu nước	1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	1. Tự hào về truyền thống quê hương	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	1. Sống có lí tưởng
	Nhân ái	2. Yêu thương con người	2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2. Khoan dung
	Chăm chỉ	3. Siêng năng, kiên trì	3. Học tập tự giác, tích cực	3. Lao động cần cù, sáng tạo	3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
	Trung thực	4. Tôn trọng sự thật	4. Giữ chữ tín	4. Bảo vệ lẽ phải	4. Khách quan và công bằng
	Trách nhiệm	5. Tự lập	5. Bảo tồn di sản văn hoá	5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	5. Bảo vệ hoà bình
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (20 %)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	6. Tự nhận thức bản thân	6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	6. Xác định mục tiêu cá nhân	6. Quản lí thời gian hiệu quả
	Kĩ năng tự bảo vệ	7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm	7. Phòng, chống bạo lực học đường	7. Phòng, chống bạo lực gia đình	7. Thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống
GIÁO DỤC KINH TẾ (10%)	Hoạt động tiêu dùng	8. Tiết kiệm	8. Quản lí tiền	8. Lập kế hoạch chi tiêu	8. Tiêu dùng thông minh
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (25%)	Quyền và nghĩa vụ của công dân	9. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	9. Phòng, chống tệ nạn xã hội	9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí
		10. Quyền trẻ em	10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

6 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH

6.1. Định hướng phương pháp dạy học Giáo dục công dân phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Môn GD&CD hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, nghĩa là chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Do vậy, GV phải có phương pháp giáo dục phù hợp, cụ thể là:

- Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

- Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; sắm vai; dự án;...

- Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

- Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội: Chú trọng lựa chọn, bổ sung nội dung dạy học và tổ chức các hoạt động học tập để HS liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào xử lý các tình huống thường gặp trong gia đình, ngoài xã hội; Phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS ở ngoài lớp học, trường học, giúp cho các hoạt động của HS được diễn ra an toàn và đạt hiệu quả giáo dục; Kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong đánh giá kết quả giáo dục, đặc biệt là đánh giá thường xuyên để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.

6.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, kĩ thuật dạy học Giáo dục công dân

6.2.1. Phương pháp thảo luận nhóm

- *Đặc điểm:* Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo

nhóm để đưa ra phương án giải quyết một tình huống, một vấn đề nào đó liên quan đến bài học.

– *Tác dụng:* Phương pháp này được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống liên quan đến bài học. Nhờ thảo luận nhóm, kiến thức của HS sẽ không mang tính chủ quan, phiến diện mà sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ lâu hơn; HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, hoà đồng, tự tin hơn, biết lắng nghe, nhận xét ý kiến của bạn, biết trình bày ý kiến của mình, biết xử lý tình huống liên quan đến bài học.

– *Cách tiến hành:* 1/Giới thiệu vấn đề thảo luận; nêu các câu hỏi có liên quan đến vấn đề; 2/Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận, xác định thời gian thảo luận; 3/HS thảo luận, nhóm trưởng hoặc thư kí ghi chép các ý kiến ra giấy; 4/Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có); 5/GV nhận xét, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và với trình độ HS; 2/Cách chia nhóm cần linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định; 3/Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý; 4/Kết quả thảo luận nhóm cần trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học; 5/HS được luân phiên làm nhóm trưởng, thư kí để được rèn luyện các kĩ năng cần thiết; 6/Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

Ví dụ: “S mang trong mình dòng máu Việt Nam và Mỹ gốc Phi nên bị một số bạn trong lớp trêu chọc về màu da”. Nếu là S, em sẽ làm gì? Hãy thảo luận nhóm để đưa ra cách xử lý tình huống trên (Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc).

6.2.2. Phương pháp sắm vai

– *Đặc điểm:* Sắm vai là phương pháp GV tổ chức cho HS thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong một tình huống giả định.

– *Tác dụng:* Sắm vai giúp HS thực hành những kĩ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực; gây được hứng thú và chú ý đối với người học; tạo điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của HS; giúp HS thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn, từ đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS.

– *Cách tiến hành:* 1/GV giới thiệu tình huống; 2/Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công sắm vai; 3/Các nhóm lên sắm vai; 4/HS quan sát, nhận xét, đánh giá; 5/GV nhận xét, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/Tính mục đích của tình huống

phải thật rõ ràng; 2/Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp; 3/Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

Ví dụ: Sắm vai xử lý tình huống trong bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình:

- GV chia nhóm, nêu yêu cầu: Mỗi nhóm sắm vai xử lý một tình huống trong SGK trang 47.
- Các nhóm thảo luận cách xử lý tình huống, xây dựng kịch bản, phân vai. Nhóm trưởng/thư kí ghi vào phiếu học tập.
- GV mời một vài nhóm lên sắm vai xử lý tình huống.
- HS khác quan sát, nhận xét, đề xuất cách xử lý khác.
- GV nhận xét, khen ngợi nhóm có cách xử lý tình huống và sắm vai tốt.

6.2.3. Phương pháp giải quyết vấn đề

– *Đặc điểm:* Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– *Cách tiến hành:* 1/Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết; 2/Giúp HS nêu ra được những cách khác nhau để giải quyết vấn đề; 3/Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này: 1/Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gần với thực tế; 2/Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS; 3/Lựa chọn cách giải quyết vấn đề là giải pháp có lợi nhất, tối ưu nhất.

Ví dụ: Trong bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình, có 4 tình huống cần giải quyết:

- a) Đang học ở trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, chị H bị bố mẹ ép nghỉ học để lấy chồng.
- b) Nhiều lần chúng kiến chú hàng xóm đánh con nhỏ, bạn B rất thương em bé nhưng chưa biết làm thế nào để giúp em.
- c) Bố mẹ li hôn. Bạn C sống cùng với bố và mẹ kế. Trước mặt bố, mẹ kế luôn ngọt ngào, nhưng khi bố vừa đi khỏi nhà, bạn đã bị mắng chửi, thậm chí bị đánh đập.
- d) Bạn T ở cùng với bác họ. Hằng ngày, bác bắt bạn phải thức khuya dậy sớm, lao động nặng nhọc. Vì vậy, đã 14 tuổi mà T còi cọc chỉ như đứa trẻ lên mười.

+ GV đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề: Em sẽ làm gì nếu ở trong các tình huống trên?

+ HS làm việc nhóm, phân tích tình huống, nêu ra một số hướng giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, với tình huống 1, có hướng giải quyết: 1/Trực tiếp nói chuyện với bố mẹ để bố mẹ hiểu rõ tác hại của việc tảo hôn, bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục học để thay đổi tương lai; 2/Nhờ thầy, cô giáo hoặc người có uy tín trong họ hàng, làng bản

khuyến giải bố mẹ; 3/Nếu bố mẹ vẫn không nghe, cần có biện pháp cứng rắn hơn (nhờ chính quyền can thiệp) vì đó là hành vi vi phạm Luật Phòng, chống bạo lực gia đình). + GV nhận xét, khen ngợi HS có cách giải quyết vấn đề đúng; có thể khéo léo nêu câu hỏi gợi ý để HS có cách giải quyết vấn đề chưa đúng tự nhận thấy mâu thuẫn trong cách xử lí của mình.

6.2.4. Phương pháp tổ chức trò chơi

– *Đặc điểm*: Tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Việc tổ chức cho HS chơi các trò chơi để hình thành, củng cố kiến thức, kĩ năng mới là rất cần thiết để tạo hứng thú học tập cho HS ở các bước Mở đầu, Khám phá, Luyện tập.

– *Tác dụng*: 1/Tổ chức trò chơi là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn HS do đó duy trì tốt hơn sự chú ý của HS với bài học; 2/Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập chỉ bằng hoạt động trí tuệ, do đó giảm tính chất căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lí thuyết mới; 3/Việc tham gia trò chơi tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp – hợp tác cho HS.

– *Cách tiến hành*: 1/GV giới thiệu tên, mục đích của trò chơi; 2/Hướng dẫn chơi: Số người tham gia, số đội tham gia, quản trò, trọng tài, các dụng cụ dùng để chơi, cách chơi (từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm, cách xác nhận kết quả); 3/Thực hiện trò chơi; 4/Nhận xét sau cuộc chơi, nêu kiến thức, kĩ năng của bài học rút ra qua trò chơi.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này*: 1/Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với bài học. GV và HS có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới; 2/Cần biết rõ mục đích trò chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức,...; 3/Cần nắm được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi; 4/Phải dễ tổ chức và thực hiện; 5/Sau khi chơi, HS cần rút ra được bài học thông qua trò chơi.

Ví dụ: Trò chơi “Ai nhanh hơn?” (Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo): Tìm các câu ca dao, tục ngữ về lao động. GV chia lớp thành các nhóm, phát giấy và bút dạ để các nhóm ghi kết quả tìm kiếm. Nhóm nào tìm được nhiều câu đúng hơn sẽ thắng. HS cũng có thể chơi “Tiếp sức”. GV chọn hai nhóm chơi, kẻ bảng làm đôi, lần lượt các HS trong nhóm sẽ lên bảng viết một câu ca dao, tục ngữ về lao động. Trong cùng một thời gian, đội nào có nhiều câu đúng hơn sẽ chiến thắng.

Hoặc GV có thể tổ chức trò chơi “Đổi mặt”, mời 4 – 5 HS đứng thành vòng tròn, tới lượt bạn nào thì bạn đó phải đọc nhanh một câu ca dao, tục ngữ về lao động, không được trùng với câu mà các bạn khác đã đọc, bạn còn lại cuối cùng sẽ chiến thắng.

6.2.5. Phương pháp điều tra

– *Đặc điểm*: Điều tra là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu thực trạng cuộc sống xung quanh liên quan tới nội dung giáo dục của chủ đề/bài học.

– *Tác dụng*: 1/Hình thành kỹ năng thu thập, xử lý, trình bày và truyền đạt thông tin; 2/Kết nối tri thức với cuộc sống, tạo điều kiện để HS tìm hiểu những vấn đề thực tiễn gắn với bài học, phát hiện và làm phong phú hơn những vấn đề đã học.

– *Cách tiến hành*:

+ Chuẩn bị: 1/Xác định mục đích, nội dung, đối tượng điều tra; 2/Dự kiến thời gian, hình thức, địa điểm điều tra, cách tiến hành điều tra, cách đánh giá kết quả, phối hợp các lực lượng giáo dục để hỗ trợ HS; 3/Chuẩn bị phiếu điều tra.

+ Thực hiện: 1/GV giới thiệu nội dung điều tra; 2/Phân công nhiệm vụ điều tra cho HS; 3/Hướng dẫn HS điều tra, ghi chép và xử lý thông tin.

+ Báo cáo kết quả điều tra: 1/HS báo cáo kết quả điều tra; 2/Các HS khác nhận xét; 3/GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này*: 1/Nội dung điều tra cần phù hợp với chủ đề/bài học, khả năng, kinh nghiệm của HS và điều kiện thực tế; 2/Nhiệm vụ điều tra mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực; 3/HS được tổ chức theo nhóm (mỗi nhóm nhiều trình độ; các nhóm trình độ tương đương) để tạo ra sự cân sức giữa các nhóm; 4/Nên tạo điều kiện cho các nhóm có sản phẩm điều tra tốt lên trình bày; HS được giải thích cách điều tra, tranh luận, bổ sung ý kiến cho nhau.

Ví dụ: Điều tra về việc bảo tồn di sản văn hoá, về tình hình bạo lực học đường ở địa phương em,...

6.2.6. Phương pháp dạy học dự án

– *Đặc điểm*: Dạy học dự án là phương pháp trong đó HS dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của GV để thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, nhằm tạo ra sản phẩm và giới thiệu chúng.

– *Tác dụng*: Đây là một hình thức dạy học lấy HS làm trung tâm, giúp HS phát triển kiến thức và các kỹ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở, khuyến khích HS tìm tòi, hiện thực hoá những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra những sản phẩm của chính mình.

– *Cách tiến hành*:

+ *Bước 1*: Chuẩn bị: Lập kế hoạch: Xác định chủ đề dự án, mục tiêu cần hướng tới, nhiệm vụ phải làm, sản phẩm dự kiến, cách triển khai và thực hiện hoàn thành dự án, thời gian thực hiện và hoàn thành, phân công công việc.

+ *Bước 2*: Thực hiện dự án: 1/Thu thập thông tin qua nhiều kênh như: Internet, báo chí, truyền hình, thư viện,...; quan sát, điều tra, phỏng vấn,...; 2/Xử lý thông tin qua thống kê, phân tích số liệu; 3/Thảo luận nhóm, trao đổi, chia sẻ dữ liệu, giải quyết vấn đề, kiểm tra tiến độ, xin ý kiến GV.

+ *Bước 3*: Kết thúc dự án: Tổng hợp kết quả: 1/Xây dựng sản phẩm (bài thuyết trình, báo cáo,...); 2/Trình bày sản phẩm; 3/Đánh giá dự án: Giá trị của sản phẩm, bài học

rút ra, tinh thần làm việc nhóm, những điểm cần phát huy, những điểm cần thay đổi, cải thiện.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/Dự án cần góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống; 2/Nhiệm vụ dự án cần phù hợp với trình độ và khả năng của HS; 3/Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp; 4/Đối với HS cấp THCS, các dự án học tập nên được thực hiện theo nhóm.

Ví dụ: Trong bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, HS cùng các bạn trong nhóm lập và thực hiện một dự án bảo vệ môi trường hoặc tài nguyên thiên nhiên tại địa phương em (giữ vệ sinh đường làng, trồng cây xanh, thu gom rác trên bờ biển,...).

6.2.7. Kỹ thuật kích thích tư duy

– *Đặc điểm:* Kích thích tư duy là một kỹ thuật dạy học dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn để HS hiểu các vấn đề đạo đức, pháp luật.

– *Tác dụng:* 1/Huy động trải nghiệm của HS vào quá trình dạy học; 2/Phát triển kỹ năng phản biện, năng lực tư duy sáng tạo của HS.

– *Cách tiến hành:* 1/Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm, để HS suy nghĩ; 2/Kích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến; 3/Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy khổ lớn, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp; 4/Phân loại các ý kiến; 5/Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý kiến; 6/Tổng hợp ý kiến, giải đáp thắc mắc, kết luận.

– Kỹ thuật này được áp dụng trong tất cả các bài học GDCCD lớp 8.

6.2.8. Kỹ thuật khăn trải bàn

– *Đặc điểm:* Kỹ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

– *Tác dụng:* 1/Thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm; 2/Huy động trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ; 3/Có công cụ để ghi nhận kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm. Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút dạ,...); cần thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– *Cách tiến hành:* 1/HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm có một tờ giấy khổ lớn; 2/HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm; 3/Mỗi thành

viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh; 4/Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của “khăn trải bàn”.



6.2.9. Kỹ thuật các mảnh ghép

– *Đặc điểm:* Kỹ thuật các mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai giai đoạn. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

– *Tác dụng:* 1/Kỹ thuật dạy học này giúp giải quyết được nhiệm vụ phức hợp dựa trên học tập hợp tác hiệu quả; 2/Khuyến khích sự tham gia tích cực của HS trong hoạt động nhóm, nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác; 3/Phát triển năng lực giao tiếp cho mỗi HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm mảnh ghép; 4/Tạo cơ hội cho HS hiểu sâu một vấn đề. HS không những hoàn thành nhiệm vụ mà còn phải chia sẻ cho người khác.

– Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi thời gian hoạt động dài khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập với hai nhóm khác nhau trong hai vòng.

– *Cách tiến hành:*

+ Vòng 1: Nhóm chuyên gia

Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể.

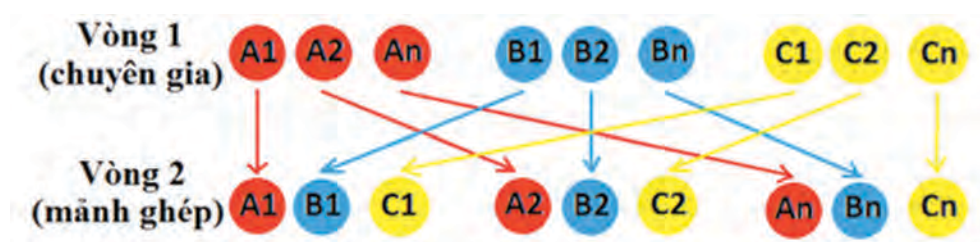
Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

+ Vòng 2:

Hình thành nhóm mảnh ghép sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau.

Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.



Lưu ý: Cần sử dụng linh hoạt, phối hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học. Chẳng hạn, để xử lý các tình huống trong bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình, có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, sắm vai, giải quyết vấn đề,...

7 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Việc đánh giá kết quả học tập môn GD&ĐT căn cứ theo Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT Quy định về đánh giá HS THCS và HS THPT.

7.1. Mục đích

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT môn GD&ĐT; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, CBQLGD và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

7.2. Yêu cầu

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT môn GD&ĐT.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS; không so sánh HS với nhau.

7.3. Hình thức đánh giá

Môn GD&ĐT là môn học kết hợp hai hình thức đánh giá:

- Đánh giá bằng nhận xét:

- + GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
- + HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.
- + Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.
- + Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.
- *Đánh giá bằng điểm số:*
- + GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
- + Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.
- + Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

7.4. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về những phẩm chất và năng lực sau:

- Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Những năng lực cốt lõi:
- + Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực đặc thù của môn GDCC: năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

7.5. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

Đánh giá kết quả trong môn GDCC được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

7.5.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS; xác nhận kết quả đạt được của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

7.5.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho CBQLGD, GV, HS để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của HS.

Đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

– Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn GDCD là 45 phút.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, để kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CTGDPT.

Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CTGDPT trước khi thực hiện.

Trong mỗi học kì, môn GDCD đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{gk}) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{ck}).

– Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

– Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI}: Điểm trung bình môn học kì I.

ĐTB_{mhkII}: Điểm trung bình môn học kì II.

Việc xây dựng đề kiểm tra định kì tuân theo 6 bước sau:

Bước 1. Xác định mục đích kiểm tra.

Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra

Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra

Ma trận đề là một bản mô tả chi tiết các nội dung, các yêu cầu cần đánh giá, một bản thiết kế kĩ thuật dùng để biên soạn đề thi. Đây là một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức, kĩ năng chính cần đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của HS theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

MẪU MA TRẬN ĐỂ KIỂM TRA

MÔN: – **THỜI GIAN LÀM BÀI:** phút

[illegible]

Từ ma trận đề, cần xây dựng bản đặc tả đề. *Bản đặc tả đề kiểm tra*: là bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để dựa trên đó GV biên soạn các đề kiểm tra hoàn chỉnh có độ đồng nhất một cách tương đối. Bản đặc tả đề kiểm tra xác định rõ mục đích cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của HS tại thời điểm đánh giá.

Bản đặc tả để kiểm tra có cấu trúc hai chiều, một chiều là các nội dung cần đánh giá, một chiều là các cấp độ năng lực mà HS sẽ được đánh giá thông qua để kiểm tra. Với mỗi nội dung, tại một cấp độ năng lực sẽ có một tỉ trọng phù hợp.

MẪU BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

MÔN: – THỜI GIAN LÀM BÀI:

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Nội dung 1	1.1	Nhận biết:	...	...	...	...
			Thông hiểu:				
			Vận dụng:				
			Vận dụng cao:				
		1.2					
2	Nội dung 2	2.1.....					
		2.2.....					
		Tổng					

Bước 4. Biên soạn các câu hỏi theo ma trận đề và thiết lập đề kiểm tra

Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm

Bước 6. Thử nghiệm phân tích kết quả, điều chỉnh và hoàn thiện đề.

7.6. Phương pháp đánh giá

7.6.1. Phương pháp kiểm tra viết

Kiểm tra viết là phương pháp kiểm tra phổ biến, có hai loại là kiểm tra viết tự luận và kiểm tra viết trắc nghiệm khách quan.

– Trắc nghiệm khách quan, gồm:

+ Trắc nghiệm đa phương án: Ví dụ:

Hành vi nào dưới đây thể hiện việc bảo vệ lẽ phải?

A. Thấy bất kể việc gì có lợi cho mình cũng phải làm bằng được.

B. Luôn bảo vệ mọi ý kiến của mình.

C. Lắng nghe ý kiến của mọi người để tìm ra điều hợp lí.

D. Luôn luôn tán thành và làm theo số đông.

+ Trắc nghiệm điền vào chỗ trống. Ví dụ: Hoàn thiện câu tục ngữ sau: “Nói phải.... cũng nghe”.

+ Trắc nghiệm ghép đôi: Ví dụ: Ghép nội dung ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Lao động cần cù	a) Luôn luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới
2. Lao động sáng tạo	b) Làm xong việc thật nhanh để được nghỉ ngơi
	c) Chịu khó làm việc một cách thường xuyên

+ Trắc nghiệm đúng sai: Ví dụ: Hãy chọn phương án đúng, sai bằng cách đánh dấu X vào các cột tương ứng trong bảng dưới đây:

NỘI DUNG	Đúng	Sai
a) Bạo lực gia đình chỉ gây nên đau đớn về thể xác cho nạn nhân.		
b) Bạo lực gia đình gây nên những tổn hại về kinh tế cho gia đình và xã hội.		
c) Người gây ra hành vi bạo lực gia đình chỉ bị xã hội lên án chứ không bị pháp luật trừng phạt.		
d) Kích động người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình là vi phạm pháp luật.		
e) Nạn nhân bị bạo lực gia đình có quyền im lặng khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nói ra sự thật.		
g) Cẩn lên án, tố cáo hành vi bạo lực gia đình dù mình không liên quan tới nạn nhân.		

– Tự luận:

+ Câu tự luận trả lời có giới hạn: Ví dụ: Nêu từ 3 đến 5 hành vi bảo vệ môi trường và chỉ ra tác dụng của hành vi đó.

+ Câu tự luận có sự trả lời mở rộng: Ví dụ: Hãy viết một đoạn văn bình luận về ý kiến: “Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người tốt” (Martin Luther King).

7.6.2. Phương pháp hỏi – đáp

Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Là gì? Như thế nào? Vì sao? Ví dụ, ở bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ: Thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Em cần làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Vì sao em cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác? Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào? Ví dụ: Em đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác? Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi có liên quan đến bài học. Ví dụ: Theo em, hành động nào không thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? (Nêu một số trường hợp để HS nhận xét và giải thích sự bày tỏ thái độ của mình). Ở mức độ cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lý tình huống trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn cuộc sống xung quanh, gắn gũi với HS. Ví dụ: Em sẽ làm gì trong các tình huống sau đây? (Nêu ra một số tình huống để HS đề xuất cách xử lý).

7.6.3. Phương pháp quan sát

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong thực tiễn. Ví dụ, ở bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên: GV có thể quan sát HS thể hiện việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong trường học như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể như: tham gia dọn vệ sinh trường lớp; trồng và chăm sóc cây trong trường; không xả rác bừa bãi; nhắc nhở bạn bè tắt điện, khoá vòi nước khi dùng xong,...

7.6.4. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS

GV nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS theo từng nội dung giáo dục: đánh giá qua phiếu học tập, báo cáo kết quả điều tra, dự án,...

Ví dụ: Đánh giá bài viết giới thiệu về một truyền thống của dân tộc Việt Nam (Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam); tranh ảnh/tư liệu sưu tầm về văn hoá các dân tộc trên thế giới,... (Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc).

Tuỳ thuộc vào yêu cầu cần đạt, nội dung cần đánh giá của một chủ đề/bài học, GV sẽ lựa chọn sử dụng hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu/yêu cầu cần đạt.

8 PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 – 12 – 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Căn cứ theo thông tư trên, NXBGDVN

đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn GDCC, trong đó có thiết bị và học liệu cho lớp 8 như sau:

- Bộ tranh về truyền thống dân tộc Việt Nam. Mục đích sử dụng: Giáo dục HS tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.
- Tranh thể hiện lao động cần cù, sáng tạo. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được biểu hiện lao động cần cù và sáng tạo.
- Bộ tranh về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được những hành vi đúng, chưa đúng trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Bộ tranh về xác định mục tiêu cá nhân của HS. Mục đích sử dụng: HS biết được cách xác định mục tiêu cá nhân và lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó.
- Tranh về phòng, chống bạo lực gia đình. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được cách phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp với HS.
- Tranh về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. Mục đích sử dụng: Giúp HS biết được những việc cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.
- Video/clip về bảo vệ lẽ phải. Mục đích sử dụng: HS phân biệt được hành vi bảo vệ lẽ phải và hành vi bênh vực điều sai trái.
- Bộ dụng cụ thực hành tiết kiệm. Mục đích sử dụng: HS có ý thức về quản lý tài chính cá nhân và biết thực hiện một số bước đơn giản để thực hành tiết kiệm.

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GDCC:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học.
- Tạo điều kiện để HS được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học, qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Khuyến khích sử dụng các phương tiện hiện đại đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống để giúp HS hứng thú, tích cực học tập hơn, đồng thời giúp GV tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả dạy học.
- Khuyến khích sử dụng thiết bị dạy học tự làm của GV và HS, không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.
- Sử dụng linh hoạt, phối hợp các thiết bị dạy học.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA VÀ CÁC NGUỒN HỌC LIỆU BỔ TRỢ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

1 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

1.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn

Sách giáo khoa môn GD&ĐT ở cấp THCS nói chung và lớp 8 nói riêng được biên soạn dựa trên cơ sở: 1/Thông tư số 33/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; 2/Thông tư số 05/2022/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGD&ĐT ngày 22 – 12 – 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; 3/Các định hướng của CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn GD&ĐT; 4/Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết sách giáo khoa; 5/Đặc điểm HS THCS; 6/Đặc trưng môn GD&ĐT theo định hướng tiếp cận năng lực.

Từ những cơ sở trên, sách GD&ĐT 8 được biên soạn theo các quan điểm sau:

- Phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.
- Kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại.
- Phù hợp với chương trình môn GD&ĐT cấp THCS.
- Gắn với thực tiễn của HS THCS: Các thông tin, tình huống, câu chuyện, bài tập,... được chất lọc từ những tình huống tiêu biểu, gắn với thực tiễn cuộc sống của HS trong gia đình, nhà trường và xã hội.
- Đảm bảo tính hệ thống: Sách được biên soạn theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ lớp 6 đến lớp 9. Các mạch nội dung của sách được sắp xếp khoa học theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ (quan hệ giữa HS với bản thân, với gia đình, với nhà trường, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên), đảm bảo tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.
- Chú trọng *tích hợp nội môn* giữa giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật; *tích hợp liên môn* giữa GD&ĐT với Ngữ văn, Mĩ thuật, Âm nhạc, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,...
- Chú trọng yêu cầu *dạy học phân hoá* theo năng lực HS (các nhiệm vụ học tập đa dạng được sắp xếp theo mức độ từ thấp đến cao, dành cho HS có cấp độ năng lực khác nhau); phân hoá theo vùng miền (các thông tin, câu chuyện, tranh ảnh, bài tập tình huống,... đa dạng, phản ánh sự đa dạng của các vùng miền).
- Đảm bảo *tính mở*: Các hoạt động dạy học mang tính chất gợi mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

1.2. Ma trận nội dung

SGK môn GDCD lớp 8 gồm 10 chủ đề/bài học với các yêu cầu cần đạt và mục tiêu về phẩm chất, năng lực cụ thể như sau:

Tên chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Phẩm chất	Năng lực	
			NL chung	NL đặc thù
I. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC				
1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.	YN	TC – TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	- Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.	NA	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
3. Lao động cần cù, sáng tạo	- Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. - Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.	CC	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG

4. Bảo vệ lễ phải	- Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải. - Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.	TT	GT – HT TC – TH GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	- Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.	TN	TC –TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
II. GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG				
6. Xác định mục tiêu cá nhân	- Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân. - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân. - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.	QLBT	TC-TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
7. Phòng, chống bạo lực gia đình	- Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. - Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình. - Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.	TBV	TC – TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT

III. GIÁO DỤC KINH TẾ				
8. Lập kế hoạch chi tiêu	- Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu. - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu. - Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí. - Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.	TN	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
IV. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	- Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.	TN	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	- Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. - Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.	TN	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG

1.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

1.3.1. Cấu trúc sách

SGK GD&ĐT 8 được cấu trúc theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT gồm các phần: 1/Hướng dẫn sử dụng sách; 2/Lời nói đầu; 3/Mục lục; 4/Chủ đề/bài học; 5/Giải thích thuật ngữ.

1.3.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc bài học dựa trên tiến trình nhận thức của HS, từ việc Nhận biết đến Hiểu, Tin tưởng và Hành động.

Mỗi chủ đề/bài học được thiết kế thống nhất theo mô hình gồm hệ thống các hoạt động:

 **1/ Mở đầu:** Nêu vị trí, tầm quan trọng của bài học; tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú của HS để vào bài mới thông qua trò chơi, bài hát, câu chuyện, tranh ảnh, chia sẻ trải nghiệm,...

 **2/ Khám phá:** Hình thành, phát triển ở HS những kiến thức, kỹ năng về chuẩn mực hành vi và sự cần thiết phải thực hiện theo các chuẩn mực đó.

 **Kết thúc hoạt động Khám phá là phần Chốt kiến thức cơ bản, cốt lõi, cô đọng, giúp HS ghi nhớ các chuẩn mực hành vi, làm điểm tựa cho hoạt động Luyện tập tiếp theo.**

 **3/ Luyện tập:** Nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng vừa khám phá, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tiễn nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân.

 **4/ Vận dụng:** Nhằm ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn cuộc sống ở không gian mới, tình huống mới.

MỞ ĐẦU

Xã hội được thiết lập bởi những mối quan hệ đa dạng, phong phú giữa các cá nhân. Để duy trì trật tự chung, mỗi cộng đồng trong xã hội đều có những quy tắc, chuẩn mực giúp con người điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng. Những quy tắc, chuẩn mực được cộng đồng thừa nhận là đúng đắn, hợp đạo lý sẽ trở thành lễ phải.

Em hãy đọc câu ca dao dưới đây và trả lời câu hỏi:

"Dù cho đất đổi trời thay
Trăm năm vẫn giữ lòng ngay với đời"
(Ca dao)

- Ý nghĩa của câu ca dao trên là gì?
- Hãy nêu một số câu ca dao, tục ngữ khác về bảo vệ lễ phải.



1. Lễ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội. Bảo vệ lễ phải là công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn; biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo lễ phải; không chấp nhận và không làm những việc sai trái.
2. Việc bảo vệ lễ phải giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần đẩy lùi cái sai, cái xấu, để làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển; củng cố niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri.
3. Học sinh cần thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?
 - a) Đề bảo vệ lễ phải cần tôn trọng sự thật.
 - b) Cần kiên quyết bảo vệ những gì phù hợp với lợi ích của cộng đồng.
 - c) Người bảo vệ lễ phải luôn phải chịu thiệt thòi.
 - d) Mỗi người tự bảo vệ lợi ích của mình chính là góp phần vào việc bảo vệ lợi ích của cộng đồng.
 - e) Trước việc làm sai trái, nếu mình không liên quan thì không cần lên tiếng.
2. Ai biết bảo vệ lễ phải, ai chưa biết bảo vệ lễ phải trong những trường hợp dưới đây? Vì sao?
 - a) Thấy bắt kẻ việc gì có lợi cho mình, anh H cũng phải làm cho bằng được.
 - b) Trong các cuộc tranh luận, chị M kiên quyết bảo vệ đến cùng ý kiến của mình dù ý kiến đó là đúng hay sai.
 - c) Trong lớp, bạn B thường lớn tiếng phê bình khuyết điểm của bạn khác nhưng lại che giấu khuyết điểm của mình.
 - d) Anh S cùng các bạn thu thập chứng cứ và tố cáo một việc làm sai trái.

VẬN DỤNG

1. "Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người tốt" (Martin Luther King).
Hãy viết một đoạn văn bình luận về ý kiến trên.
2. Hãy thiết kế một thông điệp về bảo vệ lễ phải.

1.4. Hướng dẫn giáo viên khai thác những điểm mới, ưu điểm nổi bật của sách giáo khoa Giáo dục công dân 8

1.4.1. Tính khoa học, chuẩn mực

SGK GDCC 8 thể hiện chính xác, đầy đủ những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GDCC lớp 8. Ngôn ngữ phổ thông, trong sáng, văn phong khoa học. Nguồn trích rõ ràng, thông tin chuẩn xác. Các bài đều làm rõ nội hàm khái niệm cơ bản; lấy hệ khái niệm làm công cụ để xây dựng tri thức khoa học, góp phần giúp HS hình thành, phát triển năng lực tư duy khoa học.

Đặc điểm này đòi hỏi GV phải thực sự coi GDCC là một môn khoa học, đảm bảo tính khoa học, tính chuẩn mực của môn học trong quá trình dạy học.

1.4.2. Tính thực tiễn

Sách thiết kế bám sát những yêu cầu cần đạt của chương trình, xoay quanh 4 mạch giáo dục: giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật; phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lý và trải nghiệm của HS lớp 8, mang hơi thở của cuộc sống, giúp HS ứng dụng để giải quyết những vấn đề thực tiễn. Bởi vậy, GV cần gắn nội dung bài học với các bối cảnh cuộc sống, nhất là thực tiễn cuộc sống của các em, thực tiễn địa phương nơi các em sống và học tập...: Những nội dung này có thể là các sự vật, sự việc, hiện tượng, tình huống HS có thể gặp phải trong cuộc sống; những vấn đề mà cộng đồng, xã hội đang đối mặt;...

1.4.3. Tính kế thừa và phát triển

SGK GDCC 8 được biên soạn trên cơ sở kế thừa truyền thống giáo dục của dân tộc; tinh hoa giáo dục và kinh nghiệm biên soạn SGK của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến; SGK GDCC 8 hiện hành; đảm bảo tính hệ thống theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ cấp Tiểu học đến cấp THCS. Vẫn trên cơ sở 4 mạch nội dung giáo dục, các chuẩn mực hành vi phát triển theo đường xoáy ốc mở rộng và nâng cao dần trên cơ sở kế thừa những chuẩn hành vi của lớp trước, dung lượng bài tập cũng đa dạng và phức tạp hơn, phù hợp với sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS qua từng lớp học. Bởi vậy, GV cần kế thừa những câu chuyện, tình huống, bài tập hay trong SGK GDCC cũ, những câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ, những câu chuyện nước ngoài phù hợp, ... để làm phong phú nguồn ngữ liệu trong quá trình dạy học GDCC; đồng thời, tăng dần độ phức tạp của các yêu cầu giáo dục phù hợp với sự phát triển năng lực của HS.

1.4.4. Tính tích hợp

Phù hợp với xu hướng của giáo dục hiện đại, SGK GDCC 8 chú trọng tích hợp nội môn và liên môn:

– Tích hợp nội môn: Mỗi bài học có sự lồng ghép, tích hợp nhuần nhuyễn giữa 4 mạch nội dung giáo dục.

– Tích hợp liên môn: vẽ tranh (Mỹ thuật), hát (Âm nhạc), đọc truyện, làm thơ, viết bài luận (Ngữ văn), trải nghiệm thực tế (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp),...

Quan điểm tích hợp trong biên soạn giúp cho các hoạt động thiết kế trong SGK môn GDCD 8 phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn đồng thời có sự hỗ trợ, tương tác nhau giữa các môn học về nguồn ngữ liệu và hoạt động dạy học.

Trong quá trình dạy học, GV cần tích hợp nội dung giáo dục phù hợp để các hoạt động dạy học phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn. Khi tổ chức hoạt động, nhất là hoạt động thực tiễn cho HS, cần kết nối *nội dung một số lĩnh vực, môn học* với nhau. Việc tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau sẽ giúp hoạt động học tập của HS có hiệu quả cao hơn, phẩm chất, năng lực được phát triển bền vững hơn.

1.4.5. Tính phân hoá

Sách được thiết kế chú trọng yêu cầu dạy học phân hoá theo năng lực HS; đảm bảo tính đa dạng vùng miền và sự cân bằng về giới: Chuỗi hoạt động trong mỗi bài học được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với sự khác nhau về trình độ năng lực của mỗi HS. Các thông tin, tình huống, câu chuyện, tranh ảnh,... gắn với các vùng miền (nông thôn – thành thị, miền xuôi – miền núi,...). Trong quá trình dạy học, GV cần xuất phát từ hoàn cảnh thực tế, từ sự đa dạng về năng lực của HS để thiết kế các hoạt động dạy học; lựa chọn nội dung dạy học vừa sức với HS (cao hơn trình độ hiện có và HS có thể thực hiện được, chiếm lĩnh được, vươn tới được).

1.4.6. Tính sáng tạo

Sách được thiết kế đảm bảo tính mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

+ Đối với GV: Các hoạt động trong sách mang tính mở giúp GV có thể phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thiết kế nhiều hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực khuyến khích HS khám phá, khai thác thông tin, xử lí tình huống, học qua các trường hợp điển hình,... sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với điều kiện của trường, lớp, vùng miền,... GV có thể sắp xếp lại trật tự chủ đề, điều chỉnh số tiết (đảm bảo tỉ lệ các mạch giáo dục theo chương trình), thay đổi, bổ sung thông tin, câu chuyện, tình huống.

+ Đối với HS: Để phát triển năng lực người học, SGK GDCD 8 không cung cấp những kiến thức có sẵn mà gợi ý tổ chức các hoạt động để HS tự giác, tích cực phát hiện và chiếm lĩnh tri thức. GV có thể tổ chức, hướng dẫn HS phát huy năng lực bản thân với nhiều hoạt động học tập phong phú, đa dạng: quan sát tranh, nghe/đọc/kể chuyện, thảo luận nhóm, chơi trò chơi, sắm vai, xử lí tình huống,...

1.4.7. Tính sinh động

Sách thể hiện sinh động những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GDCD lớp 8. Hoạt động Mở đầu đa dạng, phong phú qua bài hát hoặc trò chơi, hình ảnh, chia sẻ trải nghiệm,... khơi dậy hứng thú, khát khao học tập của HS. Hoạt động Khám phá bắt

đầu bằng những câu chuyện hoặc hình ảnh, thông tin đạo đức, pháp luật đánh thức được xúc cảm, sự rung động trong tâm hồn HS. Hoạt động Luyện tập với những tình huống đạo đức, pháp luật đa dạng, gần gũi, tạo hứng thú học tập cho HS. Tính sinh động của sách gợi ý cho GV tổ chức quá trình dạy học trong chuỗi hoạt động tích cực, kích thích sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của HS, giúp cho việc học GDCC không khô khan, giáo điều, cứng nhắc mà là một hành trình học tập sinh động, hấp dẫn, thú vị và hiệu quả.

1.4.8. Tính hiện đại

Những ưu điểm nổi bật trên cho thấy SGK GDCC 8 đã tiếp cận và thể hiện được tinh thần của một cuốn SGK phát triển năng lực người học trong dòng chảy của nền giáo dục hiện đại. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với GV dạy GDCC cần đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của HS, đáp ứng yêu cầu của CTGDPT mới.

1.5. Hướng dẫn, gợi ý dạy học một số dạng bài cụ thể

1.5.1. Dạng bài giáo dục đạo đức

Trong chương trình môn GDCC lớp 8, mạch nội dung giáo dục đạo đức chiếm 35% nội dung chương trình với 5 chủ đề/bài học: 1/Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam; 2/Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc; 3/Lao động cần cù, sáng tạo; 4/Bảo vệ lẽ phải; 5/Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Kết quả quan trọng nhất của bài giáo dục đạo đức là giáo dục được hành vi và thói quen đạo đức cho HS. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được phát biểu, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

Một số điểm cần lưu ý khi thiết kế các hoạt động dạy học dạng bài giáo dục đạo đức:

- Đảm bảo tính logic của bài giáo dục đạo đức: Từ việc khám phá các chuẩn mực hành vi đạo đức qua mẫu hành vi (câu chuyện, thông tin, tình huống đạo đức,...) tới bài học đạo đức (Làm gì? Làm như thế nào? Vì sao phải làm thế?); sau đó tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng vào thực tiễn. Dạy học đạo đức là dạy ý thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần khơi gợi được xúc cảm, tình cảm đạo đức tốt đẹp cho HS qua những biểu tượng hành vi trong truyện kể, tình huống đạo đức.

- Dạy học đạo đức là giáo dục các chuẩn mực hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được nói, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

1.5.2. Dạng bài giáo dục kỹ năng sống

Giáo dục kỹ năng sống là rèn luyện kỹ năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm và những cách thức hành động đúng đắn để thực hiện có hiệu quả hành động đó trong những điều kiện khác nhau của cuộc sống. Ở cấp THCS, giáo dục kỹ năng sống trang bị cho HS những kỹ năng cần thiết, phù hợp với lứa tuổi; hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực. Đó là kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân, kỹ năng tự bảo vệ bản thân.

Trong CTGDPT mới, môn GDCD cấp THCS có 20% giáo dục kỹ năng sống. Ở lớp 8, giáo dục kỹ năng sống gồm các bài: 1/Xác định mục tiêu cá nhân; 2/Phòng, chống bạo lực gia đình.

Để dạy học dạng bài giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả, GV cần:

- Chuẩn bị tốt các phương tiện, đồ dùng dạy học để HS thực hành, rèn kỹ năng.
- Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân thiện giữa GV và HS, HS và HS trong lớp học.
- Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực để minh họa cho các kỹ năng.
- Tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: phương pháp thảo luận nhóm, sắm vai, trò chơi,...
- Từ việc giáo dục kỹ năng, GV cần hướng tới giáo dục giá trị sống cho HS.

Lưu ý:

- Việc dạy kỹ năng sống chỉ thực sự có hiệu quả khi HS được rèn luyện thường xuyên và mang tính hệ thống. Vì vậy, ngoài những chủ đề giáo dục kỹ năng sống trong chương trình GDCD, GV cần tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các bài giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật.
- Tạo cơ hội cho HS luôn được thực hành và có cơ hội để thực hành thông qua các hoạt động.
- Cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng, tổ chức các hoạt động đã được gợi ý trong SGK. GV có thể điều chỉnh câu chữ, ngôn từ, cách thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm – sinh lý của HS lớp mình dạy cũng như các điều kiện thực tế của lớp học.
- Cần phối hợp với các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong giáo dục kỹ năng sống cho HS.

1.5.3. Dạng bài giáo dục kinh tế

Trong môn GDCD, giáo dục kinh tế hỗ trợ HS phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính; giúp HS thiết lập thói quen quản lý tài chính, có kỹ năng đưa ra các quyết định tài chính hợp lý. Ở cấp THCS, giáo dục kinh tế giúp HS có kiến thức ban đầu về tài chính, có kỹ năng và sự tự tin áp dụng kiến thức đó vào bối cảnh thực tế, duy trì và phát triển các hành vi tích cực theo thời gian, bao gồm việc đưa ra quyết định tài chính hợp lý, sáng suốt, phù hợp với lứa tuổi. Đó là kỹ năng tiết kiệm, lập kế

hoạch chi tiêu, xác định nhu cầu và mong muốn về tài chính, làm từ thiện,... Ở lớp 8, mạch nội dung giáo dục kinh tế có một chủ đề “Lập kế hoạch chi tiêu” với 10% thời lượng chương trình.

Để dạy học dạng bài giáo dục kinh tế đạt hiệu quả, GV cần:

- Cập nhật những tri thức hiện đại về quản lý tài chính cá nhân: Ở Việt Nam, một số HS lớp 8 vẫn chưa được bố mẹ cho tiền để tiêu riêng, một phần do hoàn cảnh gia đình khó khăn, một phần do phụ huynh có tâm lý e ngại cho tiền sẽ làm hư con. Bởi vậy, một số HS chưa có trải nghiệm về quản lý tiền. GV cần làm rõ tầm quan trọng của vấn đề bằng những ví dụ thực tiễn sinh động để giúp HS tích cực, chủ động hơn trong quá trình học.
- Phát huy năng lực tự chủ – tự học của HS bằng việc định hướng HS khai thác triệt để kiến thức đã có từ lớp trước trong quá trình khám phá kiến thức của lớp sau. Cấu trúc mạch giáo dục kinh tế trong chương trình theo đường xoáy ốc, đồng tâm, phát triển (Lớp 4 “Quý trọng đồng tiền” – Lớp 5 “Sử dụng tiền hợp lý” – Lớp 6 “Tiết kiệm” – Lớp 7 “Quản lý tiền” – Lớp 8 “Lập kế hoạch chi tiêu” – Lớp 9 “Tiêu dùng thông minh”). Mặc dù giáo dục kinh tế là mạch nội dung giáo dục mới trong chương trình môn GDCT song HS không quá ngỡ ngàng trong quá trình học, một phần do cấu trúc logic này.
- Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực với đời sống kinh tế để tăng tính hấp dẫn, giúp HS tiếp cận bài học có hiệu quả hơn.
- Tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: Bên cạnh những phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống, GV cần sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù bài giáo dục kinh tế: phương pháp điều tra, dự án,...; kỹ thuật dạy học theo góc, dạy học theo trạm,...

1.5.4. Dạng bài giáo dục pháp luật

Ở lớp 8, mạch nội dung giáo dục pháp luật có hai chủ đề: 1/Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; 2/Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, chiếm 25% thời lượng chương trình. Để dạy học dạng bài giáo dục pháp luật đạt hiệu quả, GV cần lưu ý:

- Xác định rõ mục tiêu của bài học:

1/ Hình thành ở HS ý thức về những chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó định hướng cho các em những giá trị phù hợp với những chuẩn mực đó. HS cần biết được:

- + Yêu cầu của chuẩn mực hành vi pháp luật, có cơ sở từ các điều luật cụ thể.
- + Sự cần thiết của việc thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (tác dụng của việc làm đúng, tác hại của việc làm sai,...).

+ Cách thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (việc nào cần làm, việc nào cần tránh).

2/ Giáo dục cho HS thái độ đúng đắn liên quan tới các chuẩn mực hành vi pháp luật:

- + Tích cực, tự giác thực hiện chuẩn mực hành vi.
- + Đồng tình với hành vi đúng, phê phán hành vi sai.

3/ Hình thành ở HS hành vi, kĩ năng phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật. HS biết:

- + Tự nhận xét hành vi của bản thân.
- + Nhận xét, đánh giá hành vi của người khác.
- + Xử lí tình huống pháp luật.
- + Thực hiện thao tác, hành động đúng theo mẫu qua trò chơi, sắm vai.
- + Điều tra, đánh giá những vấn đề thực tiễn liên quan tới bài học.
- + Thực hiện được các hành vi tích cực trong cuộc sống hằng ngày phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật.
- Những phẩm chất, năng lực chính được hình thành qua dạng bài giáo dục pháp luật:
 - + Phẩm chất trung thực, trách nhiệm
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Đảm bảo tính logic của bài giáo dục pháp luật: Từ việc khám phá chuẩn mực hành vi pháp luật đến luyện tập hành vi và vận dụng vào trong thực tiễn.
- Chú ý tổ chức các hoạt động phù hợp với mục tiêu bài học, phù hợp với đối tượng HS và hoàn cảnh thực tế.

2 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN HỌC LIỆU BỒI TRỢ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

2.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Giáo dục công dân 8

2.1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV môn GD CD 8 gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung

Hướng dẫn và định hướng GV về: mục tiêu, nội dung chương trình môn GD CD cấp THCS và yêu cầu đối với môn GD CD 8; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn GD CD 8.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Hướng dẫn GV xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể.

2.1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV môn GD CD lớp 8 là tài liệu giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học GD CD. Sách giúp GV có được những hiểu biết cơ bản về dạy học môn GD CD lớp 8. Trên cơ sở những gợi ý của sách, GV có thể xây dựng kế hoạch bài học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện trường lớp, địa phương và năng lực GV. Ví dụ: Sách gợi ý sử dụng phương tiện dạy học là SGK, tranh ảnh, bài hát, video,... tuy nhiên với những nơi có điều kiện thuận lợi, GV có thể sử

dụng video, máy chiếu, tranh ảnh khổ lớn,...; những nơi không có điều kiện thuận lợi, GV có thể cho HS quan sát tranh ảnh, đọc thông tin trong SGK. GV cũng có thể dùng hình thức mở đầu khác với gợi ý của sách (bài hát, trò chơi khác, hoạt động khác,...); sử dụng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh, tình huống khác để khám phá tri thức; sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học khác để tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng. GV cũng có thể điều chỉnh thời gian phân bổ cho từng chủ đề (đây là điểm khác so với sách cũ, chương trình cũ). Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình và phải đảm bảo tỉ lệ theo quy định của chương trình.

2.2. Hướng dẫn sử dụng sách Bài tập Giáo dục công dân 8

Bài tập GDCC 8 là phương tiện hỗ trợ cho GV và HS trong quá trình dạy – học môn GDCC. Các bài tập được xây dựng theo yêu cầu cần đạt của môn GDCC lớp 8 nói chung và từng chủ đề bài học nói riêng, phù hợp với tiến trình bài học và quy luật nhận thức của HS, từ bài tập nhận biết đến bài tập thông hiểu, bài tập vận dụng. Các dạng bài tập trong sách gồm: 1/Bài tập nhiều lựa chọn: Một câu hỏi có khoảng 4 – 5 phương án trả lời, trong đó chỉ có một phương án đúng; lựa chọn việc nên làm – không nên làm với các tình huống đúng – sai tương đương,...; 2/Bài tập nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và của người khác; 3/Bài tập xử lý tình huống; 4/Bài tập rèn luyện hành vi; 5/Bài tập liên hệ bản thân; 6/Bài tập liên hệ thực tế;...

GV có thể sử dụng các bài tập này trong các giờ GDCC hoặc cho HS làm bài tập vào giờ học buổi chiều. Ngoài ra, GV có thể đưa ra một số dạng bài tập khác cho HS luyện tập. Giống như SGK, Bài tập GDCC 8 chỉ là công cụ hỗ trợ cho GV trong quá trình dạy học. HS không bắt buộc phải làm các bài tập trong sách này.

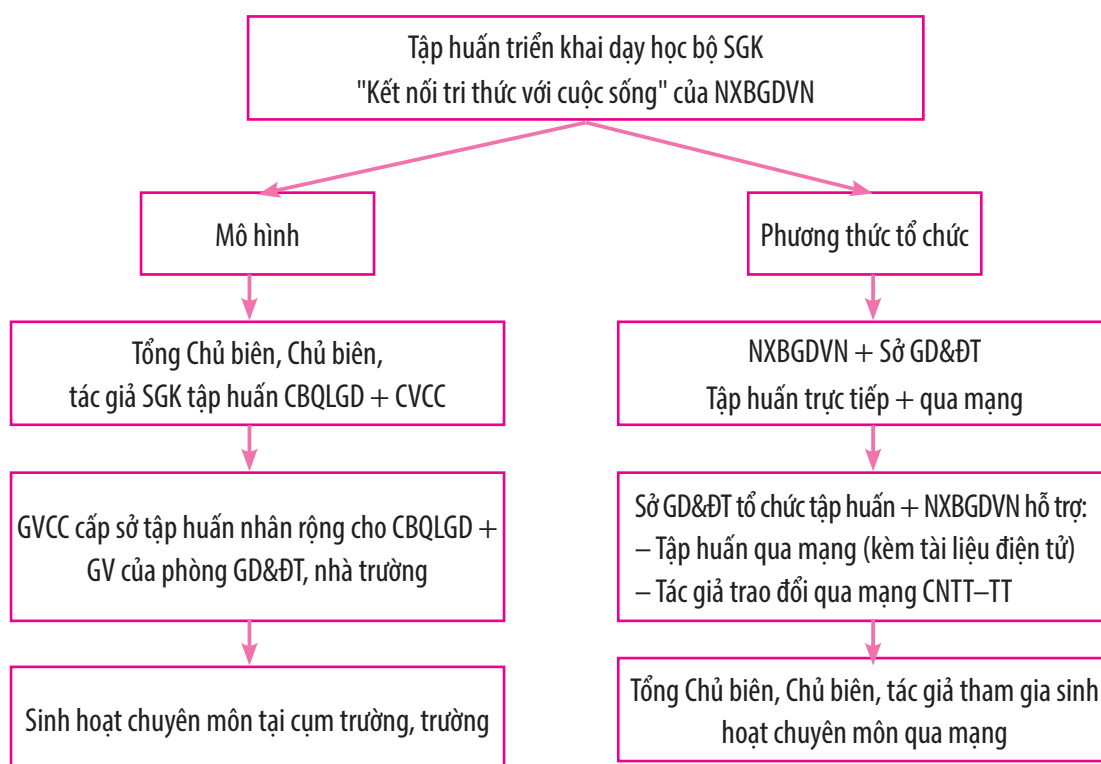
2.3. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử, thiết bị giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.3.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Việc tập huấn dạy học theo SGK mới lớp 8 của NXBGDVN được thực hiện theo phương thức kết hợp giữa tập huấn qua mạng và tập huấn trực tiếp (Blended training). NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) nhằm đảm bảo cho tất cả GV, CBQLGD được tiếp cận trực tiếp bài giảng cũng như những giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK lớp 8 để tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học các môn theo SGK mới lớp 8 vào giảng dạy và quản lý giảng dạy tại địa phương. Hệ thống tập huấn qua mạng hỗ trợ sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, trường sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” của NXBGDVN triển khai, quản lý công tác tập huấn tại địa phương.

Bên cạnh đó, các tính năng tương tác qua mạng như facebook, zalo, viber, email,... được phát triển để người học và người dạy có thể trao đổi, hỏi đáp, thảo luận với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên, họa sĩ và đội ngũ hỗ trợ của NXBGDVN.

Phương thức tổ chức tập huấn được thực hiện theo mô hình sau:



2.3.2 Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong việc tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 8

– Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng, bao gồm:

- + Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo chương trình, SGK mới;
- + Các video tiết dạy minh họa;
- + Video giới thiệu tổng quan bộ sách và các video giới thiệu những nét đặc trưng, nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục;
- + Bộ câu hỏi thường gặp và giải đáp được tổng hợp, chắt lọc từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, CBQLGD triển khai dạy học theo bộ SGK “Kết nối tri thức với cuộc sống” lớp 8 của NXBGDVN;
- + Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng;
- + Bộ các công cụ tiện ích để CBQLGD, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc;
- + Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD&ĐT, sinh hoạt chuyên môn tại cụm trường, trường.

– Lợi ích của hệ thống tập huấn qua mạng đối với cơ quan quản lý giáo dục, GV, CBQLGD:

+ Được chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả tập huấn, hỗ trợ nên tránh được “Tam sao thất bản”;

+ Thường xuyên cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ do hệ thống luôn được cập nhật và hoạt động 24/7;

+ Sau tập huấn triển khai SGK mới, các GV, CBQLGD được tuyển dụng mới có thể truy cập hệ thống tập huấn qua mạng để tự bồi dưỡng;

+ Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý giáo dục sở, phòng GD&ĐT, trường.

– Giới thiệu về hệ thống sách điện tử – hanhtrangso.nxbgd.vn:

Đồng thời với việc xuất bản SGK giấy, nhằm mục đích hỗ trợ triển khai SGK mới, SGK điện tử là dịch vụ gia tăng dành cho đơn vị, cá nhân sử dụng SGK mới in trên giấy của NXBGDVN. Trên nền tảng ứng dụng CNTT-TT, SGK điện tử của NXBGDVN mang lại những ưu việt sau:

1/ Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 8 trong bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” là phiên bản điện tử của SGK mới lớp 8 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

+ Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...; Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;

+ Sách bổ trợ, SGK;

+ Hướng dẫn trả lời các câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, để kiểm tra và đáp án, đánh giá kết quả trải nghiệm, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;

+ Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của cuốn sách và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;

+ Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;

+ Tự học qua mạng (Elearning). SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan. SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức, trải nghiệm; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức, hình thành kinh nghiệm mới.

2/ Cập nhật, phát triển không ngừng

Nội dung SGK điện tử được cập nhật thường xuyên. Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất:

+ Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống;

+ Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

3/ Công nghệ

- + Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là PC, máy tính bảng và điện thoại thông minh;
- + Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi GV, HS, phụ huynh HS ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc;
- + Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

4/ Dịch vụ hỗ trợ 24/7

- + Tổng hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A);
- + Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống;
- + Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục;
- + Đội ngũ hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho người dùng GV, phụ huynh, HS.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DẠY HỌC, KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

1 XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

1.1. Khái quát về kế hoạch dạy học

Kế hoạch dạy học là một bản thiết kế cho việc thực hiện nhiệm vụ dạy học trên cơ sở xác định đặc điểm tình hình, dự kiến các nguồn lực dạy học, yêu cầu cần đạt, số tiết cho mỗi chủ đề/bài học, kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động dạy học. Việc xây dựng KHDH cần đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung theo CTGDPT môn học, lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với nhu cầu, năng lực của HS và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo phù hợp với lứa tuổi HS.

Việc xây dựng KHDH cần tuân theo các bước:

- 1/ Khảo sát cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương.
- 2/ Nghiên cứu chương trình, SGK, nhiệm vụ trọng tâm của năm học, khung kế hoạch năm học.
- 3/ Xác định những phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù cần phát triển ở HS qua từng nội dung dạy học.
- 4/ Tìm hiểu đặc điểm nhận thức, phẩm chất, năng lực của HS và năng lực của GV môn học.
- 5/ Xây dựng và thực hiện thí điểm KHDH: Trên cơ sở cấu trúc, sắp xếp lại nội dung DH, tổ chuyên môn cùng xây dựng KHDH, tổ chức thí điểm một chủ đề/bài học, điều chỉnh để chính thức đưa vào sử dụng.
- 6/ Tổ chức đánh giá hoạt động học tập nhằm xác định được mức độ phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong từng giai đoạn, đồng thời góp phần hướng dẫn, điều chỉnh KHDH, cách dạy của thầy và cách học của trò.

1.2. Khung Kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân lớp 8

GỢI Ý KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Theo Phụ lục I, Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18 – 12 – 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ: Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI LỚP 8

(Năm học 2023 – 2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; Số học sinh:

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên:.....; Trình độ đào tạo: Cao đẳng:

Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:...

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	3	- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.

2	Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2	– Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. – Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. – Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. – Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.
3	Lao động cần cù, sáng tạo	2	– Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. – Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động. – Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. – Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.
4	Bảo vệ lễ phải	2	– Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải. – Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. – Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.
5	Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	3	– Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi. – Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

6	Xác định mục tiêu cá nhân	3	– Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân. – Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân. – Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. – Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.
7	Phòng, chống bạo lực gia đình	4	– Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. – Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội. – Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. – Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình. – Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.
8	Lập kế hoạch chi tiêu	3	– Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu. – Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu. – Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí. – Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.
9	Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	4	– Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. – Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. – Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. – Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. – Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

10	Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	5	– Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. – Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. – Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. – Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.
----	--	---	--

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kì I	45 phút	Tuần 9	Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3	Viết
Cuối Học kì I	45 phút	Tuần 18	Yêu cầu cần đạt của bài 4, 5, 6	Viết
Giữa Học kì II	45 phút	Tuần 26	Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8.	Viết
Cuối Học kì II	45 phút	Tuần 35	Yêu cầu cần đạt của bài 9, 10 và một số bài khác trong chương trình GD CD lớp 8	Viết

III. Các nội dung khác (nếu có):

TỔ TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng..... năm 20...

HIỆU TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

2 THIẾT KẾ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

Kế hoạch bài dạy (giáo án) là một bản mô tả chi tiết mục tiêu, nguồn phương tiện và học liệu, tiến trình tổ chức hoạt động dạy học một chủ đề/bài học nhằm giúp người học đáp ứng các mục tiêu đã đề ra. Đó chính là kịch bản lên lớp của mỗi GV với đối tượng HS cụ thể và nội dung cụ thể trong một không gian và thời gian cụ thể cũng như lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực tương ứng trong chương trình môn học.

2.1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

- Đảm bảo các yêu cầu cần đạt trong CTGDPT môn GDCD.
- Đảm bảo chuỗi các hoạt động học tập: 1/Hoạt động xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu; 2/Hoạt động hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra; 3/Hoạt động luyện tập; 4/Hoạt động vận dụng.
- Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng trong chuỗi hoạt động học tập.
- Đảm bảo sự rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm đạt được và cách thức tổ chức hoạt động dạy học trong mỗi nhiệm vụ học tập.
- Đảm bảo sự phù hợp của phương tiện, thiết bị dạy học, học liệu với tiến trình tổ chức các hoạt động học của HS.
- Đảm bảo sự phù hợp của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.
- Đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường, đối tượng HS và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

2.2. Định hướng cấu trúc kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất, năng lực HS cần lưu ý hướng đến việc cụ thể hoá mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực (cụ thể đến năng lực thành phần), đến việc tích cực hoá các hoạt động học tập của HS, đến phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá các mục tiêu đã đặt ra. Do đó, KHBD có thể trình bày theo cấu trúc sau (Hướng dẫn của Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH):

Phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 – 12 – 2020 của Bộ GDĐT)

Trường:

Họ và tên giáo viên:

Tổ:

.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) **Mục tiêu:** Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) **Nội dung:** Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà HS phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà HS phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) *Tổ chức thực hiện*: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) *Mục tiêu*: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) *Nội dung*: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của HS làm việc với SGK, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) *Sản phẩm*: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.

d) *Tổ chức thực hiện*: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu*: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) *Nội dung*: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho HS thực hiện.

c) *Sản phẩm*: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) *Tổ chức thực hiện*: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu*: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

b) *Nội dung*: Mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

c) *Sản phẩm*: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

d) *Tổ chức thực hiện*: Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của GV.

Lưu ý: Trên đây là Khung KHBD theo hướng dẫn của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH. Có hai kiểu thiết kế KHBD (sơ đồ sau đây). Kiểu 2 có sự sắp xếp khác hơn so với kiểu 1, song về cơ bản vẫn đảm bảo được yêu cầu theo tinh thần của Công văn 5512. SGK GDCD – bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” lựa chọn cách trình bày kế hoạch bài dạy theo kiểu 2. Tuy nhiên, GV dạy GDCD hoàn toàn có thể lựa chọn kiểu nào mà mình cảm thấy phù hợp và để triển khai nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình.



2.3. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân

Bước 1. Xác định mục tiêu bài học

– Trong dạy học phát triển năng lực, mục tiêu bài học là mức độ HS đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Mục tiêu bài học phải được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Nếu một chủ đề nội dung giáo dục đã nêu trong Chương trình được thiết kế thành một bài học thì mục tiêu bài học được xác định chính là yêu cầu cần đạt tương ứng với chủ đề nội dung đó đã được quy định trong Chương trình. Nếu một chủ đề nội dung giáo dục đã nêu trong Chương trình được thiết kế thành

một số bài học thì mục tiêu riêng của mỗi bài học chính là yêu cầu cần đạt riêng cho bài học đó được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung của cả chủ đề nội dung.

– Yêu cầu cần đạt là kết quả đầu ra, được thể hiện bằng thái độ, hành vi nên cần tránh hoặc thận trọng với các động từ khó lượng hoá như: trình bày, nắm vững, coi trọng, thích, yêu mến,... mà phải *được diễn đạt bằng các động từ* đơn nghĩa, dễ hiểu, thể hiện *kết quả có thể đo lường được*, mô tả mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của người học theo các mức độ: *biết, hiểu, vận dụng*.

+ **Biết:** Nêu được, liệt kê được,... Ví dụ: Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước,...

+ **Hiểu:** Giải thích được, phân tích được, trình bày được, đánh giá được,... Ví dụ: Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực; trình bày được chữ tín là gì,...

+ **Vận dụng:** Xác định, thực hiện, điều chỉnh, kiểm soát, áp dụng, phê phán, thiết kế, tham gia,... Ví dụ: Thực hiện được những việc làm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phê phán những người không biết bảo vệ lẽ phải; tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình;...

– Yêu cầu cần đạt phải có tính khả thi. Để bảo đảm thực hiện được yêu cầu này, khi xây dựng mục tiêu bài học, GV cần bám sát vào yêu cầu cần đạt của chủ đề nội dung giáo dục đã nêu trong Chương trình. Yêu cầu cần đạt ở mỗi bài học *không được* cao hơn hay thấp hơn yêu cầu cần đạt đã quy định trong Chương trình vì yêu cầu cần đạt đã nêu trong Chương trình là những yêu cầu bắt buộc đối với HS toàn quốc, là kết quả (chuẩn) đầu ra của CTGDPT. Nếu GV xây dựng những yêu cầu cần đạt không phù hợp (cao hơn hoặc thấp hơn yêu cầu cần đạt đã quy định trong Chương trình) sẽ khiến việc lựa chọn nội dung dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá không phù hợp, hạn chế hứng thú học tập của HS, hạn chế việc thực hiện mục tiêu bài học.

Lưu ý: Trong SGK GDCT 8, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, các tác giả đã vận dụng sáng tạo tinh thần của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH, gộp mục tiêu về kiến thức vào mục tiêu về năng lực khi xác định mục tiêu bài học. Yêu cầu cần đạt của các chủ đề vẫn được thể hiện đầy đủ và cụ thể hoá trong từng mục tiêu bài học.

Bước 2. Lựa chọn nội dung dạy học

Các nội dung giáo dục của các lớp trong CTGDPT môn GDCT là các nội dung cơ bản, cốt lõi, bắt buộc. Vì CTGDPT 2018 có tính mở, nên việc bổ sung, mở rộng các kiến thức, đặc biệt là các kiến thức cập nhật và mang tính thời sự, những vấn đề liên quan đến thực tiễn của địa phương rất quan trọng và cần thiết. Việc xác định mạch nội dung kiến thức của chủ đề giúp GV xác định được chính xác nội dung dạy học và tiến trình tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học theo một trình tự nhất định để đạt được mục tiêu dạy học. Trên cơ sở đó, GV có thể bổ sung hoặc mở rộng thêm các kiến thức có liên quan cho phù hợp với trình độ của HS, đáp ứng mục tiêu đặt ra. Dựa vào tính logic của kiến thức, GV có thể bổ sung những nội dung này vào mạch kiến thức đã xác định trong kế hoạch giáo dục một cách phù hợp.

Việc lựa chọn, bổ sung nội dung giáo dục chi tiết cho các lớp học bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được xây dựng dựa trên các yêu cầu cần đạt, bám sát yêu cầu cần đạt, nhằm giúp HS thực hiện các yêu cầu cần đạt đã quy định ở mỗi chủ đề nội dung trong Chương trình;
- Là sự chi tiết hoá, cụ thể hoá chủ đề nội dung giáo dục đã quy định trong Chương trình, không nằm ngoài chủ đề nội dung đã quy định trong Chương trình;
- Tuân thủ định hướng của Chương trình môn GD&CD về nội dung giáo dục ở mỗi cấp học. Ở cấp THCS, nội dung giáo dục phải định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật;
- Thiết kế theo hướng đồng tâm và phát triển, xoay quanh các mối quan hệ của HS với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội, đất nước, nhân loại, với công việc và môi trường tự nhiên;
- Phải phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS.
- Bảo đảm vừa phù hợp với dung lượng nội dung của mỗi chủ đề, vừa phù hợp với thời lượng được quy định trong Chương trình.

Bước 3. Tổ chức các hoạt động dạy học

1/ Hoạt động mở đầu/xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập

Với hoạt động này, GV cần:

- Xác định mục tiêu chính của hoạt động là tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV cần tìm hiểu xem HS đã biết gì về nội dung sẽ học trong bài học, chưa rõ, hoặc là gặp khó khăn gì khi tìm hiểu nội dung bài học và mong muốn điều gì từ bài học. Yêu cầu của hoạt động Mở đầu là giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập, bộc lộ mâu thuẫn giữa cái *đã biết* và cái *chưa biết*, tạo động lực thôi thúc HS học tập, tìm tòi, khám phá cái *muốn biết*. Câu trả lời được đầy đủ chính là nội dung của chủ đề.
- Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học: quan sát hình ảnh, video, sự kiện, hiện tượng thực tiễn hoặc là bài hát, trò chơi, câu đố vui,... để trả lời câu hỏi hoặc thực hiện yêu cầu mà GV đặt ra. Các hoạt động này được xây dựng dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của HS có liên quan đến bài học.

2/ Hoạt động khám phá vấn đề/hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra

- Xác định mục tiêu chính của hoạt động này là giúp HS hình thành kiến thức, tìm hiểu biểu hiện của chuẩn mực hành vi, sự cần thiết và cách thực hiện chuẩn mực hành vi đó. Trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới, HS sẽ thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ về vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

– Nội dung của hoạt động được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt của bài học. Thông thường, mỗi đơn vị kiến thức sẽ được thiết kế thành một hoạt động học tập với các bối cảnh và nhiệm vụ cụ thể.

+ Đối với việc tìm hiểu *biểu hiện* của chuẩn mực hành vi, GV tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu hành vi thông qua các hoạt động như: đọc SGK, nghiên cứu tư liệu học tập, sử dụng học liệu; tự nghiên cứu, thực hành, hoạt động trải nghiệm,... Sau các hoạt động, GV cần hướng dẫn để HS tự kết luận về biểu hiện của chuẩn mực hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế mà các em tiếp nhận được thông qua các hoạt động.

+ Đối với hoạt động tìm hiểu *sự cần thiết* thực hiện chuẩn mực hành vi, GV có thể sử dụng phương pháp tổ chức trò chơi hoặc thảo luận nhóm để HS chia sẻ, trao đổi với các bạn trong nhóm và GV.

+ Đối với hoạt động tìm hiểu *cách* thực hiện chuẩn mực hành vi, GV cần giảng giải tỉ mỉ về các bước thực hiện, sau đó tổ chức cho HS hoạt động thực hành theo mẫu. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng các bài tập, câu hỏi, tình huống phù hợp để HS tự khám phá cách thực hiện chuẩn mực hành vi.

3/ Hoạt động luyện tập

– Mục tiêu của hoạt động là giúp HS hoàn thiện hiểu biết; củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức, kĩ năng đã lĩnh hội, hình thành thái độ đúng đắn trước các hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế; đồng thời GV biết được mức độ hiểu biết/lĩnh hội kiến thức của HS để điều chỉnh các hoạt động dạy học. Thông qua hoạt động này, HS hình thành được thái độ đồng tình, ủng hộ các thái độ, hành vi tích cực; không đồng tình, phê phán các thái độ, hành vi tiêu cực; biết xử lí các tình huống mang tính giả định liên quan đến bài học.

– Cách tiến hành hoạt động này là HS phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập/tình huống cụ thể tương tự các bài tập/tình huống đã học nhưng có thay đổi các dữ liệu ban đầu để củng cố tri thức, rèn luyện kĩ năng. GV có thể tổ chức, hướng dẫn cho HS tham gia các hoạt động như: bày tỏ thái độ đối với các ý kiến liên quan với các sự vật, hiện tượng, sự kiện, đối tượng, tình huống trong đời sống thực tế xung quanh mà các em biết; liên hệ với những thái độ, hành vi của chính bản thân mình hoặc của người khác; nhận xét thái độ, hành vi của bản thân hoặc người khác; xử lí tình huống;... để từ đó các em củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thái độ tích cực cho bản thân. Bài tập/tình huống được sử dụng trong hoạt động luyện tập cần phải phù hợp với nội dung bài học, đặc điểm tâm sinh lí, khả năng, điều kiện học tập và thực tế cuộc sống của HS. HS có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập,...

4/ Hoạt động vận dụng

– Hoạt động *vận dụng* nhằm giúp HS ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống. Mục đích của hoạt động này là HS được

củng cố kiến thức, kĩ năng, tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học được để phát hiện và giải quyết các vấn đề có thực trong học tập và trong cuộc sống; có ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, thói quen điều chỉnh hành vi, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. Hoạt động này đồng thời còn giúp GV đánh giá được mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của HS về phẩm chất và năng lực.

Hoạt động vận dụng thường ở hai dạng: Vận dụng trên phương diện lí thuyết: viết bình luận về một ý kiến, sưu tầm ca dao, tục ngữ,...; Vận dụng trên phương diện thực hành: thiết kế một áp phích, điều tra thực tiễn, xây dựng dự án,... chủ yếu giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

– Thông qua các nguồn tài liệu ngoài lớp học như: sách/tài liệu tham khảo bằng bản in hoặc Internet; các bản báo cáo, thuyết trình; các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, tình huống, trường hợp mà các em đã biết trong thực tế cuộc sống,... HS làm bài tập nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, hợp tác với các bạn trong nhóm, trong lớp, GV, gia đình và những người khác trong cộng đồng để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế giải quyết vấn đề, ứng dụng các kiến thức đã học. HS có thể tự đưa ra những tình huống, bài tập và giải quyết theo cách riêng của mình hoặc trao đổi trong cặp đôi, trong nhóm, thống nhất cách làm chung, tìm giải pháp, kết quả chung; báo cáo kết quả trước lớp hoặc GV.

Trong hoạt động vận dụng, cần chú trọng các hoạt động *rèn luyện thói quen thực hiện chuẩn mực hành vi* để giúp HS thực hành, rèn luyện thói quen thực hiện theo chuẩn mực hành vi. Các hoạt động này cần được tổ chức phù hợp với điều kiện sống và học tập của HS ở các vùng miền, địa phương khác nhau. GV cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều HS tự nguyện tham gia; khuyến khích những HS có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.

Tuỳ thuộc vào thời lượng được phân bổ cho cả chủ đề/bài học, dựa trên kinh nghiệm giảng dạy, GV có thể dự kiến được thời lượng tương ứng của từng hoạt động.

Bước 4. Lựa chọn hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học; phương án kiểm tra đánh giá và học liệu

Trên cơ sở mục tiêu và chuỗi hoạt động, thời lượng dạy học của từng hoạt động, GV xác định hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học và phương án kiểm tra, đánh giá tương ứng. Từ đó, GV xác định các học liệu cần thiết và thiết kế nguồn học liệu.

– *Về phương án kiểm tra, đánh giá:* Về nguyên tắc, năng lực chung là mục tiêu chung của mọi môn học/hoạt động giáo dục, cần đánh giá qua quá trình, không nhất thiết chủ đề nào/bài học nào cũng đánh giá. Bởi vậy, đánh giá năng lực đặc thù, là đánh giá quan trọng nhất trong chủ đề của môn học.

– *Về thiết bị dạy học và học liệu:* Lựa chọn thiết bị dạy học và học liệu cụ thể, phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học trong bài học và điều kiện thực tế.

Bước 5. Rà soát; chỉnh sửa, hoàn thiện KHBD

Sau khi thiết kế KHBD, GV cần tiến hành rà soát lại toàn bộ để đảm bảo sự thống nhất giữa các mục, các hoạt động dạy học. Khi KHBD đã được tổ chức thực hiện trong quá trình dạy học, GV cần rút kinh nghiệm, bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hơn.

2.4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động dạy học

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện. Nhiệm vụ học tập cần rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu. Khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HS bị bỏ quên.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của GV). Hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo; nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

Lưu ý: Không phải bất kỳ hoạt động dạy học nào cũng phải tiến hành đầy đủ 4 bước trên; có trường hợp có thể kết hợp bước 2 và bước 3 thành một bước. GV có thể linh hoạt lựa chọn và thiết kế trình tự tổ chức dạy học phù hợp.

Bài 4. BẢO VỆ LỄ PHẢI (2 tiết)

CÁCH 1

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải.

2. Về năng lực

Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân:

- Nhận ra được những việc bảo vệ lễ phải/không bảo vệ lễ phải trong một số trường hợp cụ thể.
- Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc bảo vệ lễ phải.
- Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.

3. Về phẩm chất

Trung thực, khách quan, dũng cảm bảo vệ lễ phải.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 8;
- Tranh ảnh, video về bảo vệ lễ phải theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT; câu chuyện, ca dao, tục ngữ, thành ngữ về bảo vệ lễ phải, phiếu học tập;
- Máy tính, máy chiếu; bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Bước đầu HS thấy được vị trí, tầm quan trọng của việc bảo vệ lễ phải; chia sẻ trải nghiệm về bảo vệ lễ phải, tạo hứng thú học tập để dẫn vào bài mới.

b) Nội dung: HS đọc câu ca dao trong SGK trang 20 và thực hiện yêu cầu:

- Tìm ý nghĩa của câu ca dao.
- Nêu ví dụ về một trường hợp thể hiện tinh thần của câu ca dao.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS:

– Ý nghĩa của câu ca dao: Khuyên con người sống trung thực, ngay thẳng; dù hoàn cảnh đổi thay vẫn làm theo những điều đúng đắn.

– Ví dụ trong sách truyện, phim ảnh (Tô Hiến Thành, Chu Văn An,...); trong đời sống của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu.

– HS thảo luận nhóm, ghi lại kết quả thảo luận. GV đi tới các nhóm, quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ HS.

– GV mời một số HS đại diện nhóm xung phong chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp. Các HS khác thảo luận về những chia sẻ của bạn, nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận để dẫn vào bài mới.

** Một số phương án khác:*

– Tổ chức chơi trò Tiếp sức (hoặc Truyền điện): GV chọn hai đội chơi, mỗi đội 3 – 4 thành viên, lần lượt viết lên bảng/kể về những hành vi bảo vệ lẽ phải/không bảo vệ lẽ phải. Trong khoảng thời gian 3 – 4 phút, đội nào viết/kể được nhiều đáp án đúng hơn sẽ thắng.

– Xem video về bảo vệ lẽ phải.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải

a) Mục tiêu: HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: HS đọc truyện trong SGK trang 20 – 21 và trả lời câu hỏi:

– Chánh án Pe-rin Lao-ri đã làm gì khi nhận được lá thư của người bạn thời thơ ấu? Việc làm đó của ông có ý nghĩa gì?

– Theo em, lẽ phải là gì? Vì sao chúng ta cần bảo vệ lẽ phải?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS:

– Việc làm của Pe-rin Lao-ri: 1/Vẫn thi hành án với con trai người bạn cũ; 2/Viết thư giải thích, gửi tiền cho bạn nộp phạt và thanh toán án phí.

Ý nghĩa: Đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật mà vẫn giữ được tình người, giúp ổn định và phát triển cộng đồng, tạo niềm tin cho con người.

– Lẽ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội.

Bảo vệ lẽ phải là bảo vệ lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của cá nhân, giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt, đẩy lùi cái sai, cái xấu, củng cố niềm tin của con người vào cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc truyện/biểu diễn tiểu phẩm (dựa trên cốt truyện trên) hoặc đọc truyện phân vai, sau đó thảo luận nhóm 4 (có thể áp dụng kĩ thuật Khăn trải bàn/Các mảnh ghép) và trả lời câu hỏi.
- HS làm việc cá nhân (đọc truyện, suy nghĩ để tìm câu trả lời), sau đó thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập. GV quan sát, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn trong thảo luận.
- GV mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, kết luận.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải

a) Mục tiêu: HS nêu được những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: HS quan sát tranh trong SGK trang 21 – 22 để thực hiện yêu cầu:

- Chỉ ra những lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải/không bảo vệ lẽ phải trong các bức tranh.
- Nêu những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS:

– *Yêu cầu 1:*

+ Tranh 1: Bạn nữ bên phải biết bảo vệ lẽ phải (minh oan cho bạn); Bạn nữ bên trái không biết bảo vệ lẽ phải (biết bạn bị oan mà không minh oan cho bạn).

+ Tranh 2: Bạn nam biết bảo vệ lẽ phải (nhanh chóng ghi biển số xe của người gây tai nạn và đến trụ sở công an để trình báo); Người gây ra tai nạn sai khi bỏ chạy, không dám chịu hậu quả về tai nạn do mình gây ra.

+ Tranh 3: Người đàn ông bảo vệ lẽ phải (không vì tình thân mà bênh vực con trai khi con mình vi phạm pháp luật); Người phụ nữ sai (muốn chống/người thân cứu giúp con mình phạm tội).

– *Yêu cầu 2:* Để bảo vệ lẽ phải, cần:

- + Tôn trọng, công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn;
- + Biết điều chỉnh suy nghĩ và hành vi của mình theo hướng tích cực;
- + Phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái, không hợp lẽ phải.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc lời thoại, suy nghĩ để trả lời câu hỏi 1; Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi 2.
- HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ các HS, các nhóm gặp khó khăn.

– GV dùng kĩ thuật Tia chớp, gọi HS trả lời nhanh câu hỏi 1; mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi 2. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận.

Chốt kiến thức: GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua mục Chốt kiến thức trong SGK trang 23. HS vẽ sơ đồ tư duy để nắm được kiến thức cốt lõi.

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Bày tỏ ý kiến

a) Mục tiêu: HS biết bày tỏ ý kiến về những quan niệm đúng/sai liên quan tới bảo vệ lẽ phải để củng cố kiến thức.

b) Nội dung: HS bày tỏ ý kiến về những quan niệm trong bài tập 1, SGK trang 23.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS:

a. Đồng tình, vì tôn trọng sự thật là một biểu hiện của bảo vệ lẽ phải.

b. Đồng tình, vì bảo vệ những gì phù hợp với lợi ích của cộng đồng chính là bảo vệ lẽ phải.

c. Không đồng tình, vì người bảo vệ lẽ phải có thể phải chịu thiệt thòi trước mắt nhưng sẽ nhận được lợi ích dài lâu, hoặc cá nhân có thể chịu thiệt thòi nhưng lại mang tới lợi ích chung cho cộng đồng.

d. Không đồng tình, vì điều này chỉ đúng khi lợi ích của người đó phù hợp với lợi ích của cộng đồng.

e. Không đồng tình, vì mình có thể không liên quan nhưng việc làm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người khác và cộng đồng, cuối cùng sẽ ảnh hưởng gián tiếp tới mình.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc bài tập 1 trong SGK, lựa chọn phương án trả lời và điền vào phiếu học tập.

– HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một số HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có). GV chiếu từng ý kiến lên bảng, dùng kĩ thuật Tia chớp để gọi HS trả lời nhanh.

– GV nhận xét, kết luận.

* **Phương án khác:** Tổ chức trò chơi “Lật mảnh ghép”. Mỗi câu trả lời đúng, một mảnh ghép được lật ra. Câu tục ngữ ẩn sau 5 mảnh ghép là “Nói phải củ cải cũng nghe”.

Hoạt động 2: Nhận xét hành vi

a) Mục tiêu: HS biết nhận xét, ủng hộ những hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán những hành vi không bảo vệ lẽ phải hoặc vi phạm lẽ phải.

b) Nội dung: HS nhận xét những hành vi đúng/sai liên quan tới bảo vệ lẽ phải trong bài tập 1, SGK trang 23.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS:

- a. Anh H không bảo vệ lẽ phải mà bảo vệ lợi ích cá nhân. Việc có lợi cho mình chưa chắc đã có lợi cho người khác và chưa chắc đã là lẽ phải.
- b. Ý kiến của mình sai mà vẫn kiên quyết bảo vệ thì đó không phải là bảo vệ lẽ phải.
- c. Việc làm của B không phải là bảo vệ lẽ phải khi lớn tiếng phê bình khuyết điểm của bạn khác nhưng lại che giấu khuyết điểm của mình.
- d. Anh S cùng các bạn thu thập chứng cứ để tố cáo một việc làm sai trái chính là bảo vệ lẽ phải.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để làm bài tập 2 trong SGK.
 - HS thảo luận nhóm đôi. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ.
 - GV mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).
 - GV nhận xét, kết luận.
- * Có thể sử dụng phương pháp tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn” hoặc “Ngôi ghế nóng” cho HS thực hiện bài tập này.

Hoạt động 3: Sắm vai thể hiện tình huống

a) Mục tiêu: HS biết hoá thân vào nhân vật trong trường hợp giả định, vận dụng kiến thức đã học để nhận xét hành vi, xử lý tình huống.

b) Nội dung: HS xây dựng kịch bản, sắm vai biểu diễn tiểu phẩm dựa trên câu chuyện “Xử kiện” trong SGK trang 24, trả lời câu hỏi:

- Em có nhận xét gì về việc làm của các nhân vật trong truyện?
- Nếu là nhân vật Ngô hoặc Cải, em sẽ làm gì? Vì sao?
- Nếu là người xử kiện, em sẽ làm gì? Vì sao?

c) Sản phẩm: Kịch bản, màn biểu diễn tiểu phẩm và câu trả lời của HS:

- Câu 1: Ba nhân vật đều vi phạm lẽ phải: Cải và Ngô đánh nhau, đút lót thầy lí. Thầy lí tham lam, nhận đút lót, xử án không nghiêm minh.
- Câu 2: Không đánh nhau, không kiện tụng vì bất lợi cho cả hai.
- Câu 3: Không nhận quà hối lộ; lắng nghe, phân tích và hoà giải cho Ngô và Cải.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 trong SGK trang 24.
- HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, tập sắm vai. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS.

– GV mời một nhóm lên sắm vai biểu diễn tiểu phẩm. Các HS khác quan sát, nhận xét và trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận.

Hoạt động 4: Xử lý tình huống

a) Mục tiêu: HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống giả định nhằm khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: HS làm bài tập 4 SGK trang 24.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập phản ánh kết quả thảo luận nhóm:

a. Dùng lý lẽ, phân tích để bảo vệ ý kiến của mình; Nếu không được, sẽ nhờ GV làm trọng tài.

b. Bênh vực cho bạn bị nói xấu, khuyên bạn đừng nói xấu bạn bè nữa; Nếu bạn không nghe, cần khéo léo tìm cách giúp bạn bị nói xấu thanh minh cho mình trước các bạn (nên có chứng cứ cụ thể).

c. Nhanh chóng tìm người lớn nhờ can thiệp hoặc giả vờ là anh/chị của bé gái để đưa bé tránh xa người đàn ông đó; Nếu có điện thoại thông minh, tìm cách nhanh chóng chụp lại hành động của người đàn ông làm bằng chứng rồi chạy đi tìm người lớn hỗ trợ.

d. Khuyên nhủ và giúp bạn sửa chữa khuyết điểm; Nếu bạn không nghe, cần nói với thầy cô giáo hoặc bố mẹ bạn.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, xử lý tình huống trong bài tập 4. Mỗi nhóm thảo luận xử lý một tình huống.

– HS thảo luận nhóm. GV quan sát, hỗ trợ, gợi ý nhóm gặp khó khăn khi thảo luận nhóm.

– GV mời đại diện nhóm trả lời kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận.

• HS có thể làm việc nhóm, đóng vai xử lý tình huống 1 hoặc tình huống 2. Nếu hạn chế về thời gian, mỗi nhóm sẽ xử lý một tình huống nhưng chỉ cần một nhóm trình bày cách xử lý tình huống.

• GV có thể cho một số HS chia sẻ về việc bản thân đã có hành động bảo vệ lẽ phải như thế nào.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống, thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: HS làm bài tập vận dụng trong SGK trang 24.

c) Sản phẩm:

- Một đoạn văn bình luận về ý kiến trong SGK.
- Một thông điệp về bảo vệ lễ phải.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS về nhà làm bài tập vận dụng theo gợi ý:
 - + Bài tập 1: Những hành động và lời nói của người xấu khiến chúng ta phải xót xa: Ví dụ? Tác hại?; Thái độ im lặng trước hành động và lời nói của người xấu: Ví dụ? Tác hại?; Em sẽ làm gì khi chứng kiến những điều đó ?
 - + Bài tập 2: Làm việc nhóm/cá nhân: Thiết kế một thông điệp về bảo vệ lễ phải.

CÁCH 2

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

- Năng lực điều chỉnh hành vi:
 - + Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải.
 - + Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
 - + Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải
- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:
 - + Tìm hiểu được việc bảo vệ lễ phải trong thực tiễn.
 - + Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến bảo vệ lễ phải; tham gia vào việc bảo vệ lễ phải trong thực tiễn.

2. Về phẩm chất

Trung thực, khách quan, dũng cảm bảo vệ lễ phải.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 8;
- Tranh ảnh, video về bảo vệ lễ phải theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT; câu chuyện, ca dao, tục ngữ, thành ngữ về bảo vệ lễ phải, phiếu học tập;
- Máy tính, máy chiếu; bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Bước đầu HS thấy được vị trí, tầm quan trọng của việc bảo vệ lễ phải; chia sẻ trải nghiệm về bảo vệ lễ phải để dẫn vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS tìm ý nghĩa của câu ca dao “Dù cho đất đổi trời thay/Trăm năm vẫn giữ lòng ngay với đời”.
- HS suy nghĩ, chia sẻ trong nhóm đôi. GV đi tới các nhóm, quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ HS.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. Các HS khác thảo luận về những chia sẻ của bạn, nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, kết luận để dẫn vào bài mới.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải

a) Mục tiêu: HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải.

b) Tổ chức thực hiện:

1.1. Đọc truyện và trả lời câu hỏi:

- GV yêu cầu HS đọc truyện “Sự trung thực hay là tình bạn” trong SGK/biểu diễn tiểu phẩm (dựa trên cốt truyện trên) hoặc đọc truyện phân vai và trả lời câu hỏi: *Chánh án Pe-rin Lao-ri đã làm gì khi nhận được lá thư của người bạn thời thơ ấu? Việc làm đó của ông có ý nghĩa gì?*
- HS làm việc cá nhân, đọc truyện, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV mời một số HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, kết luận: Pe-rin Lao-ri đã khách quan, công tâm khi không tha bổng cho con trai người bạn cũ, không vì tình riêng mà ảnh hưởng tới sự nghiêm minh của pháp luật. Việc làm đó có ý nghĩa quan trọng để ổn định và phát triển cộng đồng.

1.2. Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (áp dụng kĩ thuật Khăn trải bàn/Các mảnh ghép) để trả lời các câu hỏi:
 - + *Lễ phải là gì?*
 - + *Theo em, vì sao chúng ta cần bảo vệ lễ phải?*
 - + *Nếu không bảo vệ lễ phải thì điều gì sẽ xảy ra?*
- HS thảo luận nhóm. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS thảo luận.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, kết luận:
- + Lễ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội.
- + Bảo vệ lễ phải là bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng cũng như lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân, giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt, đẩy lùi cái sai, cái xấu, để làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển; củng cố niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri. Người biết bảo vệ lễ phải sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng và tin tưởng.
- + Nếu không biết bảo vệ lễ phải, lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân và cộng đồng sẽ bị vi phạm, gây mất ổn định xã hội, làm mất niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ lễ phải

a) Mục tiêu: HS nêu được những việc cần làm để bảo vệ lễ phải.

b) Tổ chức thực hiện:

2.1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

- GV hướng dẫn HS quan sát 3 bức tranh trong SGK, trả lời câu hỏi: Hãy chỉ ra những lời nói, việc làm bảo vệ lễ phải/không bảo vệ lễ phải trong các bức tranh.
- HS quan sát tranh, đọc lời thoại, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ HS.
- GV dùng kĩ thuật Tia chớp, gọi HS trả lời nhanh. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, kết luận:
- + Tranh 1: Bạn nữ bên phải biết bảo vệ lễ phải (minh oan cho bạn); Bạn nữ bên trái không biết bảo vệ lễ phải (biết bạn bị oan mà không minh oan cho bạn).
- + Tranh 2: Bạn nam biết bảo vệ lễ phải (nhanh chóng ghi biển số xe của người gây tai nạn và đến trụ sở công an để trình báo); Người gây ra tai nạn sai khi bỏ chạy, không dám chịu hậu quả về tai nạn do mình gây ra.
- + Tranh 3: Người đàn ông bảo vệ lễ phải (không vì tình thân mà bênh vực con trai khi con mình vi phạm pháp luật); Người phụ nữ sai (muốn chồng/người thân cứu giúp con mình phạm tội).

2.2. Làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:

- GV dùng kĩ thuật Tia chớp, nêu câu hỏi: *Theo em, chúng ta cần làm gì để bảo vệ lễ phải?*
- HS suy nghĩ, trả lời nhanh.
- GV nhận xét, kết luận: Để bảo vệ lễ phải, mỗi người cần:
- + Tôn trọng, công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn;

- + Biết điều chỉnh suy nghĩ và hành vi của mình theo hướng tích cực;
- + Phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái, không hợp lẽ phải.

Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức vừa khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK (Hoặc HS vẽ sơ đồ tư duy để tổng kết kiến thức ở hoạt động Khám phá).

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố những tri thức vừa được khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân về những vấn đề liên quan tới bảo vệ lẽ phải.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Bày tỏ ý kiến

- GV hướng dẫn HS đọc bài tập 1 trong SGK và trả lời câu hỏi.
 - HS làm việc cá nhân, đọc bài tập, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
 - GV mời một số HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có). GV có thể chiếu từng ý kiến lên bảng, dùng kĩ thuật Tia chớp để gọi HS trả lời nhanh.
 - GV nhận xét, kết luận:
 - Đồng tình, vì tôn trọng sự thật là một biểu hiện của bảo vệ lẽ phải.
 - Đồng tình, vì bảo vệ những gì phù hợp với lợi ích của cộng đồng chính là bảo vệ lẽ phải.
 - Không đồng tình, vì người bảo vệ lẽ phải có thể phải chịu thiệt thòi trước mắt nhưng sẽ nhận được lợi ích dài lâu, hoặc cá nhân có thể chịu thiệt thòi nhưng lại mang tới lợi ích chung cho cộng đồng.
 - Không đồng tình vì điều này chỉ đúng khi lợi ích của người đó phù hợp với lợi ích của cộng đồng.
 - Không đồng tình, vì mình có thể không liên quan nhưng việc làm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người khác và cộng đồng, cuối cùng sẽ ảnh hưởng gián tiếp tới mình.
- (Có thể sử dụng hình thức chơi trò chơi “Lật mảnh ghép”. Mỗi câu trả lời đúng, một mảnh ghép được lật ra. Câu tục ngữ ẩn sau 5 mảnh ghép là “Nói phải củ cải cũng nghe”).

2. Nhận xét hành vi

- GV hướng dẫn HS đọc bài tập 2 trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Ai bảo vệ lẽ phải, ai không bảo vệ lẽ phải?
- HS thảo luận nhóm đôi. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ.
- GV mời một số HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, kết luận:

- a. Anh H không bảo vệ lẽ phải mà bảo vệ lợi ích cá nhân. Việc có lợi cho mình chưa chắc đã có lợi cho người khác và chưa chắc đã là lẽ phải.
 - b. Ý kiến của mình sai mà vẫn kiên quyết bảo vệ thì đó không phải là bảo vệ lẽ phải.
 - c. Việc làm của B không phải là bảo vệ lẽ phải khi lớn tiếng phê bình khuyết điểm của bạn khác nhưng lại che giấu khuyết điểm của mình.
 - d. Anh S cùng các bạn thu thập chứng cứ để tố cáo một việc làm sai trái chính là bảo vệ lẽ phải.
- (Có thể sử dụng hình thức chơi trò chơi “Ngôi sao may mắn” hoặc “Ngôi ghế nóng” cho HS thực hiện bài tập này).

3. Sắm vai

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, sắm vai biểu diễn tiểu phẩm dựa trên câu chuyện “Xử kiện”, trả lời câu hỏi:
- + Em có nhận xét gì về việc làm của các nhân vật trong truyện?
- + Nếu là nhân vật Ngô hoặc Cải, em sẽ làm gì? Vì sao?
- + Nếu là người xử kiện, em sẽ làm gì? Vì sao?
- HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, tập sắm vai. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS.
- GV mời một nhóm lên sắm vai biểu diễn tiểu phẩm. Các HS khác quan sát, nhận xét và trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét, kết luận (gợi ý phương án trả lời):
- + Ba nhân vật đều vi phạm lẽ phải: Cải và Ngô đánh nhau, đút lót thầy lí. Thầy lí tham lam, nhận đút lót, xử án không nghiêm minh.
- + Nếu là Ngô hoặc Cải: không đánh nhau, không kiện tụng vì bất lợi cho cả hai.
- + Nếu là người xử kiện: Không nhận quà hối lộ; lắng nghe, phân tích và hoà giải cho Ngô và Cải.

4. Xử lý tình huống

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, xử lý tình huống. Có thể cho mỗi nhóm thảo luận xử lý một tình huống.
- HS thảo luận nhóm. GV quan sát, hỗ trợ, gợi ý.
- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, kết luận (gợi ý phương án trả lời):
- a. Dùng lí lẽ, phân tích để bảo vệ ý kiến của mình; Nếu không được, sẽ nhờ GV làm trọng tài.

b. Bênh vực cho bạn bị nói xấu, khuyên bạn đừng nói xấu bạn bè nữa; Nếu bạn không nghe, cần khéo léo tìm cách giúp bạn bị nói xấu thanh minh cho mình trước các bạn (nên có chứng cứ cụ thể).

c. Nhanh chóng tìm người lớn nhờ can thiệp hoặc giả vờ là anh/chị của bé gái để đưa bé tránh xa người đàn ông đó; Nếu có điện thoại thông minh, tìm cách nhanh chóng chụp lại hành động của người đàn ông làm bằng chứng rồi chạy đi tìm người lớn hỗ trợ.

d. Khuyên nhủ và giúp bạn sửa chữa khuyết điểm; Nếu bạn không nghe, cần nói với thầy cô giáo hoặc bố mẹ bạn.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống, thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b) Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS về nhà làm hai bài tập trong phần Vận dụng theo gợi ý:

Bài tập 1: Những hành động và lời nói của người xấu khiến chúng ta phải xót xa: Ví dụ? Tác hại?; Thái độ im lặng trước hành động và lời nói của người xấu: Ví dụ? Tác hại?; Em sẽ làm gì khi chứng kiến những điều đó?

Bài tập 2: Làm việc nhóm/cá nhân: Thiết kế một thông điệp về bảo vệ lẽ phải.

Lưu ý: Trên đây chỉ là một kế hoạch bài dạy có tính chất minh họa của môn GD CD 8. GV có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo để soạn KHBD phù hợp với năng lực của HS và điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, CTGDPT, Chương trình tổng thể, Hà Nội, 2018.
2. Bộ GD&ĐT, CTGDPT môn GD CD, Hà Nội, 2018.
3. Bộ GD&ĐT, Tài liệu hướng dẫn, bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán môn GD CD cấp THCS (mô đun 1, 2, 3), 2020.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TẤT THẮNG – NGUYỄN THỊ TRANG

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Thiết kế sách: ĐÌNH THANH LIÊM

Sửa bản in: NGUYỄN TẤT THẮNG – NGUYỄN THỊ TRANG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: hanhtrangso.nxbgd.vn

– Tập huấn online: taphuan.nxbgd.vn

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB: ... /CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-...-----....